



V ỮNG TIẾN
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2012





NỘI DUNG

I. THÔNG TIN CHUNG	04
1. Thông tin khái quát	05
2. Quá trình hình thành và phát triển	05
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	06
4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	06
5. Định hướng phát triển	08
II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM	10
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	11
2. Tổ chức và nhân sự	15
3. Tình hình đầu tư thực hiện các dự án	15
4. Tình hình tài chính	17
5. Cơ cấu cổ đông	18
III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC	19
1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	20
2. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý	21
3. Kế hoạch phát triển trong tương lai	21
IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	22
1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty và Ban Điều hành	23
2. Các kế hoạch, định hướng của HĐQT	24
V. QUẢN TRỊ CÔNG TY	25
1. Hội đồng Quản trị	26
2. Ban kiểm soát	27
3. Ban Điều hành	27
4. Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu, thù lao và các khoản Lợi ích của HĐQT, BGD và BKS	28
VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH	29



1. Thông tin khái quát

2. Quá trình hình thành và phát triển

Quá trình hình thành và phát triển

Niêm yết cổ phiếu trên Sở GDCK TP. Hồ Chí Minh

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Hệ thống quản trị và điều hành Công ty

Các công ty con

5. Định hướng phát triển Sabetran JSC

Các mục tiêu của Công ty

Chiến lược phát triển

Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát
2. Quá trình hình thành và phát triển
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
5. Định hướng phát triển của Sabetran JSC

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

- Tên giao dịch đầy đủ bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ GIAO NHẬN BIA SÀI GÒN.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0304082452, đăng ký lần đầu: ngày 31 tháng 10 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ 4: ngày 25 tháng 08 năm 2011.
- Vốn điều lệ: 80.000.000.000 đồng
- Bằng chữ: Tám mươi tỷ đồng

- Tên giao dịch đối ngoại: SAIGON BEER TRANSPORTATION JOINT STOCK COMPANY
- Tên giao dịch viết tắt: SABETRANS JSC
- Trụ sở chính của Công ty: 78 Tôn Thất Thuyết - Phường 16 – Quận 4 – Thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (84.8) 3948.5278 Fax: (84.8) 3948.2748
- Website: www.sabetranjsc.com
- Mã cổ phiếu: SBC

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

1. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

- Tiền thân của Công ty là đội xe tiếp quản từ Công ty BGI năm 1977, trực thuộc Liên hiệp Xí nghiệp Rượu Bia – NGK II.
- Trước 01/07/1977, Liên hiệp Xí nghiệp Rượu bia – NGK II (nay là Tổng Công ty Bia Rượu Nước giải khát Sài Gòn) đại bộ phận là sở hữu của hàng BGI. Hàng BGI đã tổ chức một đội xe với hàng trăm xe tải để vận chuyển toàn bộ hàng hóa, vật tư phục vụ cho sản xuất cũng như tiêu thụ.
- Sau ngày 01/07/1977, hãng BGI được tiếp quản và đổi tên thành Công ty Rượu Bia Miền Nam.
- Đến năm 1995, trước yêu cầu của công tác lưu thông hàng hóa và sự lớn mạnh của đội xe, Xí nghiệp Vận tải chính thức được thành lập trên cơ sở hợp nhất đội xe, phân xưởng sửa chữa ô tô, phân xưởng sản xuất Bao bì và phân xưởng sản xuất nút trực thuộc Công ty Bia Sài Gòn, nay là Tổng Công ty Bia Rượu Nước Giải khát Sài Gòn (SABECO) theo Quyết định số 860/BS-TC ngày 01/05/1995 của Tổng Giám đốc Công ty Bia Sài Gòn. Nhiệm vụ lúc này của Xí nghiệp Vận tải không đơn thuần chỉ làm công tác vận tải mà còn làm công tác khác liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty.
- Năm 2005, Xí nghiệp vận tải được cổ phần hóa để chuyển thành Công ty cổ phần theo quyết định số 1935/QĐ-TCCB ngày

1 tháng 6 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp.

Từ khi chuyển sang công ty cổ phần, Sabetran có tốc độ tăng trưởng khá cao. Năm 2006, doanh thu đạt 213 tỷ đồng và đã tăng hơn 60% trong năm 2007 đạt mức 346 tỷ đồng. Sang năm 2008, công ty đạt mức tăng trưởng ấn tượng cả về doanh thu và lợi nhuận sau thuế với kết quả 481 tỷ đồng doanh thu (tăng 40% so với 2007) và 40 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế, tăng 789% so với 4.5 tỷ đồng của năm 2007, Công ty cũng đạt tỷ lệ lợi nhuận cao trong những năm tiếp theo.

2. NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GDCK TP. HCM

- Công ty chính thức được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) vào ngày 29/04/2010 theo Quyết định số 87/QĐ-SGDHCM ngày 29/04/2010 của SGDCK TP. HCM với nội dung chính như sau:
 - Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
 - Mã chứng khoán: SBC
 - Mã ISIN: VN000000SBC0
 - Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng (mười nghìn đồng)
 - Số lượng cổ phiếu: 8.000.000 cổ phiếu
 - Tổng giá trị cổ phiếu niêm yết theo mệnh giá: 80.000.000.000 đồng (tám mươi tỷ đồng).
- Ngày giao dịch đầu tiên là ngày 02/06/2010 với mã chứng khoán là SBC



I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát
2. Quá trình hình thành và phát triển
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
5. Định hướng phát triển của Sabetran JSC

NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

Phạm vi và lĩnh vực kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vận tải và giao nhận hàng hóa, vận tải hành khách bằng ô tô
- Sản xuất, mua bán vật tư, phụ tùng, thiết bị vận tải
- Mua bán rượu bia, nước giải khát
- Sửa chữa phương tiện vận tải đường bộ
- Kinh doanh cho thuê nhà xưởng, kho bãi và văn phòng
- Dịch vụ vệ sinh công nghiệp
- Kinh doanh bất động sản
- Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan.

THÔNG TIN VÀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

1. HỆ THỐNG QUẢN TRỊ VÀ ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. ĐHĐCĐ có nhiệm vụ thông qua các báo cáo của HĐQT về tình hình hoạt động kinh doanh; quyết định các phương án, nhiệm vụ SXKD và đầu tư; tiến hành thảo luận thông qua, bổ sung, sửa đổi Điều lệ của Công ty; thông qua các chiến lược phát triển; bầu, bãi nhiệm HĐQT, Ban Kiểm soát; và quyết định bộ máy tổ chức của Công ty và các nhiệm vụ khác theo quy định của điều lệ.

Hội đồng quản trị

HĐQT là tổ chức quản lý cao nhất của Công ty do ĐHĐCĐ bầu ra gồm 7 thành viên với nhiệm kỳ là 5 năm. HĐQT nhân danh Công ty quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích và quyền lợi của Công ty.

Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát là tổ chức giám sát, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý điều hành hoạt động kinh doanh, trong ghi chép sổ sách kế toán và tài chính của Công ty nhằm đảm bảo các lợi ích hợp pháp của các cổ đông. Ban Kiểm soát có 3 thành viên với nhiệm kỳ là 5 năm do ĐHĐCĐ bầu ra.

Ban điều hành

Ban điều hành của Công ty gồm có một Tổng Giám đốc và hai Phó Tổng Giám đốc. Tổng Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm, là người chịu trách nhiệm chính và duy nhất trước HĐQT về tất

cả các hoạt động kinh doanh của Công ty. Phó Tổng Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm theo đề xuất của Tổng Giám đốc.

Ban điều hành hiện nay của Công ty là những người có kinh nghiệm quản lý và điều hành kinh doanh, đồng thời có quá trình gắn bó với Công ty trên 10 năm.

Các phòng chức năng nghiệp vụ gồm:

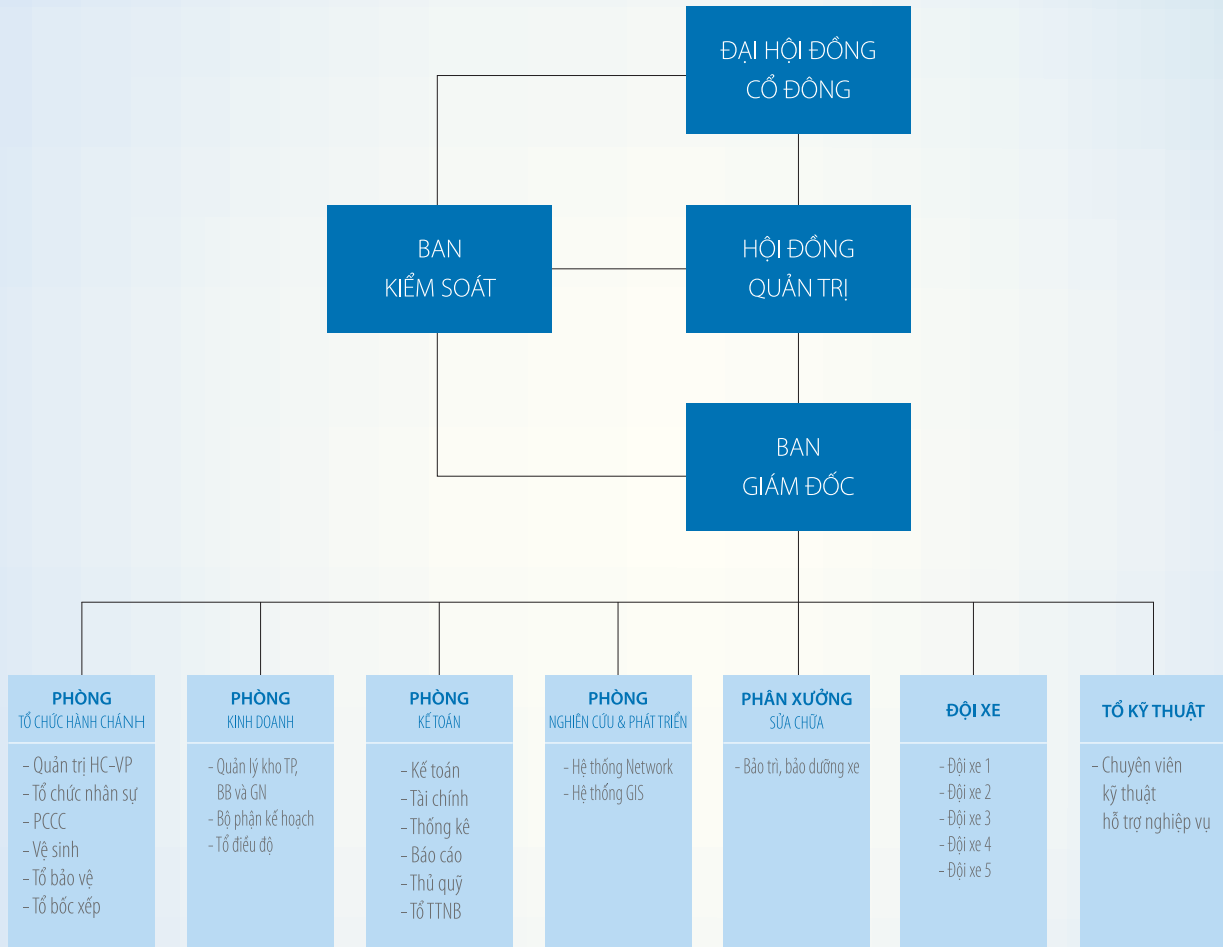
- Phòng Tổ Chức Hành Chính
- Phòng Kinh Doanh
- Phòng Kế Toán
- Phòng Nghiên Cứu và Phát Triển
- Phân Xưởng Sửa Chữa
- Đội Xe
- Tổ Kỹ Thuật



I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát
2. Quá trình hình thành và phát triển
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
5. Định hướng phát triển của Sabetran JSC

• SƠ ĐỒ TỔ CHỨC



I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát
2. Quá trình hình thành và phát triển
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
5. Định hướng phát triển của Sabetran JSC

THÔNG TIN VÀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ (tiếp)

2. CÁC CÔNG TY CON

STT	TÊN CÔNG TY CON	TỶ LỆ CỔ PHẦN SỞ HỮU (THEO VỐN ĐIỀU LỆ CỦA CÔNG TY CON)	TỶ LỆ GÓP VỐN THỰC TẾ	VỐN ĐẦU TƯ
01	Công ty cổ phần Vận tải và Giao nhận Bia Sài Gòn Sabetran - Miền Bắc	51%	51%	13.770.000.000
02	Công ty cổ phần Vận tải và Giao nhận Bia Sài Gòn Sabetran Miền Trung	51%	51%	13.770.000.000
03	Công ty cổ phần Vận tải và Giao nhận Bia Sài Gòn Miền Tây	51%	51%	13.770.000.000

Công ty CP Vận tải & Giao nhận Bia Sài Gòn Sabetran miền Bắc được thành lập trên mô hình hoạt động của Công ty CP Vận tải & GN Bia Sài Gòn, có chức năng chính phục vụ vận tải thành phẩm bia và chai kết toàn bộ phía Bắc, vận chuyển phục vụ Nhà máy bia Sông Lam, Công ty CP Bao bì Sông Lam...

Công ty CP Vận tải & Giao nhận Bia SG Sabetran miền Trung được thành lập cũng theo mô hình trên có chức năng chính phục vụ

vận tải thành phẩm bia và chai kết toàn bộ khu vực miền Trung, vận chuyển phục vụ Nhà máy bia Quảng Ngãi.

Công ty CP Vận tải & Giao nhận Bia SG Miền Tây được thành lập cũng theo mô hình trên có chức năng chính phục vụ vận tải thành phẩm bia và chai kết toàn bộ khu vực miền Tây, vận chuyển phục vụ Nhà máy bia Tây Đô, Sóc Trăng, Cần Thơ, Bạc Liêu và tương lai là Vinh Long.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CỦA SABETRAN JSC

1. CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU CỦA CÔNG TY

- Vận chuyển 70% các sản phẩm bia, rượu NGK và vật tư, nguyên vật liệu đầu vào cho các nhà máy, đơn vị hợp tác sản xuất thuộc hệ thống Tổng Công ty CP Bia Rượu NGK Sài Gòn. Thực hiện hoạt động Logictis cho toàn hệ thống SABECO.

- Có chất lượng dịch vụ vận tải nhanh chóng, hiệu quả và an toàn nhất.

- Phương tiện vận chuyển mới, đẹp, đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn an toàn và bảo vệ môi trường.

Để đạt được các mục tiêu trên, Công ty sẽ nỗ lực phấn đấu để tiếp tục củng cố và phát triển những thế mạnh của mình, từng bước khắc phục những hạn chế và yếu kém, cải tiến phương thức quản lý, đầu tư phương tiện vận tải, tăng cường nguồn nhân lực và công nghệ, chuyên môn hóa từng loại hình dịch vụ.

2. CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

Để thực hiện được mục tiêu phát triển nói trên, Công ty đã xây dựng kế hoạch hành động cụ thể, bao gồm:

- **Đầu tư phương tiện vận tải:** Sự đầu tư phát triển về số lượng và chất lượng phương tiện vận tải là cơ sở quan trọng để Công ty tăng năng lực vận tải và nâng cao hiệu quả kinh doanh vận tải. Dự kiến, đến năm 2015, với sản lượng tiêu thụ của hệ thống Sabeco sẽ đạt gần 1.5 tỷ lít, Công ty cần phải đầu tư phương tiện vận tải để đáp ứng 70% nhu cầu vận chuyển các sản phẩm cho Sabeco.

- **Đầu tư phát triển nguồn nhân lực:** Nguồn nhân lực là nhân tố không thể thiếu cho việc thực hiện các mục tiêu chiến lược của Công ty. Bên cạnh việc đào tạo đội ngũ cán bộ chủ chốt - các trưởng phó phòng ban, các đội trưởng đội xe, phân xưởng sửa chữa có năng lực và trình độ chuyên môn cao - Công ty còn chú trọng tuyển dụng và có chế độ đãi ngộ thích đáng những người thực sự có năng lực, trình độ chuyên môn để đảm nhận các vị trí quản lý mà Công ty đang có nhu cầu. Về phía đội ngũ lao động trực tiếp là các lái xe, công ty đặc biệt coi trọng công tác huấn luyện chuyên môn và chấp hành kỷ luật theo quy trình tuyển dụng và đào tạo lái xe để đảm bảo công tác vận tải an toàn, hiệu quả.

- **Đầu tư phát triển hệ thống công nghệ thông tin:** Sự lớn mạnh của các phương tiện vận tải, việc gia tăng sản lượng vận chuyển hàng hóa của hệ thống Sabeco đòi hỏi trong năm 2013 Công ty phải tiếp tục đầu tư cho sự phát triển của hệ thống công nghệ thông tin để hỗ trợ cho hoạt động quản lý phương tiện vận tải và lộ trình vận chuyển hàng hóa.

- **Đầu tư cho các hoạt động logictis:** Hướng đến mục tiêu đạt được sự chuyên môn hóa cao trong hoạt động vận chuyển và các hoạt động hỗ trợ vận chuyển, Công ty đang chuẩn bị các nguồn lực để xây dựng các Công ty chuyên trách trong các lĩnh vực có liên quan đến hoạt động vận chuyển như: Công ty bốc xếp đảm nhận toàn bộ các công việc bốc xếp, giao nhận ở các Nhà máy, các kho của hệ thống; Công ty kho bãi chuyên trách về việc thuê, cho thuê bãi đậu xe, kho chứa hàng và Công ty chuyên thực hiện các hoạt động logictis khác.



“Theo kế hoạch hành động trong giai đoạn 2010-2015, mục tiêu của Sabetran JSC là trở thành doanh nghiệp vận tải lớn, chuyên nghiệp của Sabeco, có năng lực cạnh tranh cao và hoạt động hiệu quả tại Việt Nam...”

Ông **Nguyễn Quang Tiếp** - TGD Sabetran JSC

3. CÁC MỤC TIÊU ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI VÀ CỘNG ĐỒNG

- Với mục tiêu phát triển bền vững, Công ty luôn dành một sự đầu tư đúng mức cho hoạt động bảo vệ môi trường. Từ năm 2010 -2013 Công ty đã gắn bộ tiết giảm nhiên liệu cho tất cả các phương tiện vận tải của Công ty. Bộ thiết bị này giúp tiết kiệm từ 5%-10% lượng nhiên liệu tiêu thụ cho xe. Đồng thời Bộ tiết giảm nhiên liệu cũng giảm thiểu tối đa khí thải ra môi trường. Tổng chi phí đầu tư cho hệ thống tiết giảm nhiên liệu hơn 4 tỷ đồng.
- Bên cạnh đó Công ty cũng chú trọng các hoạt động xã hội, chung tay về cộng đồng. Năm 2012, Công ty đã chi hơn 200 triệu đồng cho các hoạt động hỗ trợ đồng bào nghèo ở địa phương, ủng hộ chiến sĩ Trường Sa, trẻ em bị bệnh tim...

II TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2012



1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Kết quả hoạt động vận chuyển năm 2012 so với năm 2011

2. Tổ chức và nhân sự

Ban Điều hành

Tổng quan về tình hình nhân sự và chính sách đối với người lao động

3. Tình hình đầu tư thực hiện các dự án

4. Tình hình tài chính

Tình hình tài chính

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

5. Cơ cấu cổ đông Sabetran JSC

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2012

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

2. Tổ chức và nhân sự
3. Tình hình đầu tư thực hiện các dự án
4. Tình hình tài chính
5. Cơ cấu cổ đông Sabetran JSC

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

1. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Năm 2012 Công ty tiếp tục có những thuận lợi: Sản lượng tiêu thụ của SABECO có chiều hướng ngày càng gia tăng. Do đó, Công ty có được sự đảm bảo về nguồn hàng vận chuyển ổn định. Quá trình làm việc lâu dài tạo nên kinh nghiệm trong công tác giao nhận hàng, do đó xây dựng được một phương thức kiểm soát vận chuyển và giao nhận hàng hóa ngày càng phù hợp và tiên tiến.

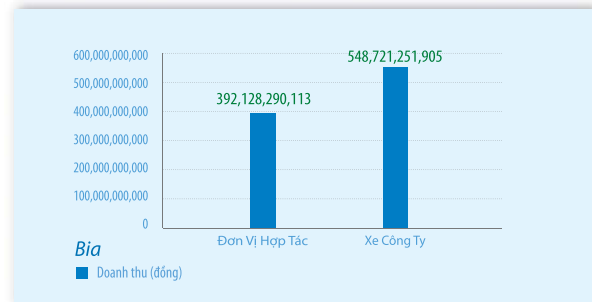
Bên cạnh đó trong hoạt động kinh doanh vận tải cũng còn một số khó khăn: Sự xuống cấp của cơ sở hạ tầng giao thông, các

hạn chế về tải trọng và tốc độ lưu thông cũng ảnh hưởng đến năng suất và lợi nhuận của Công ty. Chi phí cầu đường tăng do tăng trạm thu phí, trạm cân; phí các trạm có xu hướng ngày càng gia tăng. Giá nhiên liệu liên tục gia tăng. Kho hàng ở nhiều chi nhánh nhỏ, năng lực bốc xếp kém nên việc giao nhận hàng hóa thường trì trệ; chỉ tiếp nhận được một số phương tiện vận chuyển tải trọng thấp nên cũng làm ảnh hưởng đến hiệu suất vận chuyển.

Kết quả hoạt động vận chuyển của Công ty trong năm 2012 cụ thể như sau:

Sản phẩm bia:

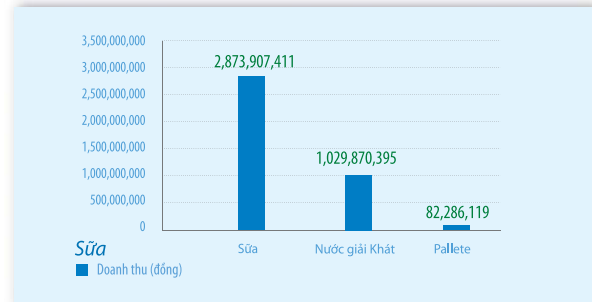
ĐƠN VỊ THỰC HIỆN	THỂ TÍCH (Lít)	KHỐI LƯỢNG LC (Tấn km)	DOANH THU (Đồng)
Đơn vị hợp tác	529,891,417	724,872,041	392,128,290,113
Tỉ trọng (%)	41.82	57.21	41.68
Xe Công ty	737,121,386	391,856,144	548,721,251,905
Tỉ trọng (%)	58.18	30.93	58.32
Tổng cộng	1,267,012,802	1,116,728,185	940,849,542,018



Sản phẩm khác:

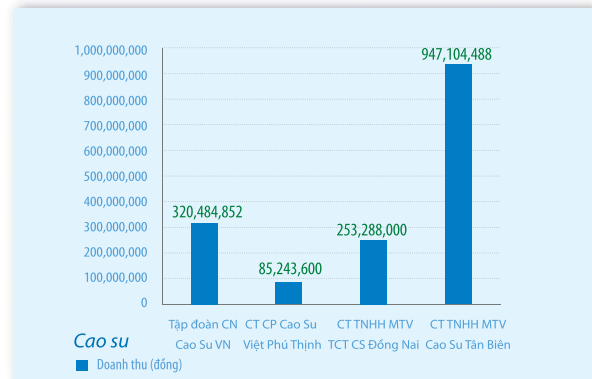
Sữa

MẶT HÀNG	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	DOANH THU (Đồng)
Sữa	Tấn	1,396,459	2,873,907,411
Nước giải khát	Tấn	8,653	1,029,870,395
Pallete	Chuyển	900	82,286,119
Tổng cộng:			3,986,063,925



Cao su:

KHÁCH HÀNG	SỐ CONT	DOANH THU (Đồng)
Tập đoàn CN cao su Việt Nam	63	320,484,852
CT CP cao su Việt Phú Thịnh	19	85,243,600
CT TNHH MTV TCTy CS Đồng Nai	50	253,288,000
CT TNHH MTV cao su Tân Biên	202	947,104,488
Tổng cộng	334	1,606,120,940



II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2012

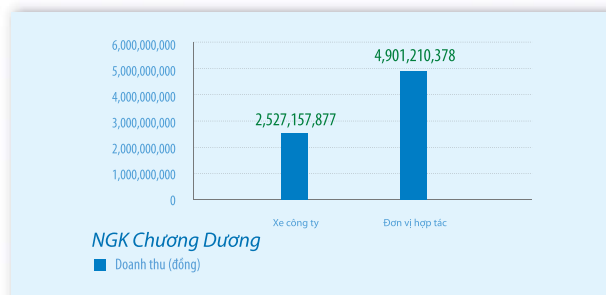
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Tổ chức và nhân sự
- Tình hình đầu tư thực hiện các dự án
- Tình hình tài chính
- Cơ cấu cổ đông Sabetran JSC

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH (tiếp)

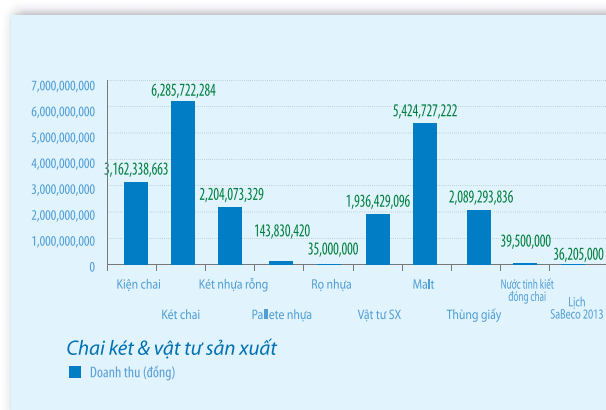
Nước giải khát Chương Dương:

ĐƠN VỊ VẬN CHUYỂN	SẢN LƯỢNG VẬN CHUYỂN (Lít)	DOANH THU (Đồng)
Xe Công ty	5,115,747	2,527,157,877
Tỉ trọng (%)	34.03	34.02
ĐV hợp tác	9,915,579	4,901,210,378
Tỉ trọng (%)	65.97	65.98
TỔNG	15,031,326	7,428,368,255



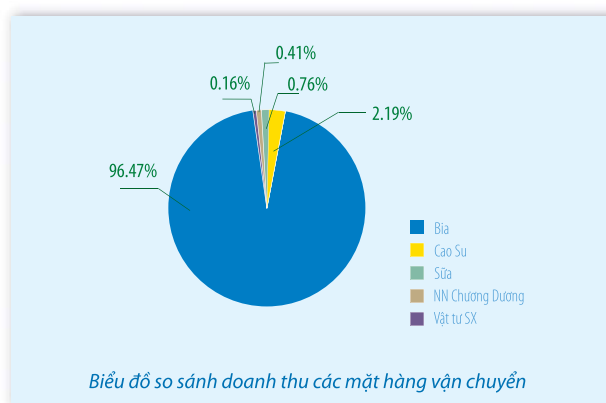
Chai kết và vật tư sản xuất:

STT	MẶT HÀNG	ĐVT	KHỐI LƯỢNG VẬN CHUYỂN	DOANH THU (Đồng)
1	Kiện chai	Kiện	15,771	3,162,338,663
2	Kết chai	Kết	1,405,123	6,285,722,824
3	Kết nhựa rỗng	Cái	356,526	2,204,073,329
4	Pallete nhựa	Cái	6,170	143,830,420
5	Rọ nhựa	Cái	3,500	35,000,000
6	Vật tư Sản xuất	Tấn	1,860	1,936,429,096
7	Malt	Tấn	13,747	5,424,727,222
8	Thùng giấy	Cái	18,724,700	2,089,293,836
9	Nước tinh khiết đóng chai	Thùng	2,000	39,500,000
10	Lịch SaBeco 2013	Cuốn	8,746	36,205,000
Cộng				21,357,120,390



Nhìn chung, doanh thu từ hoạt động vận chuyển bia vẫn đang chiếm tỉ trọng chủ yếu trong tổng doanh thu của Công ty.

KHÁCH HÀNG	MẶT HÀNG	DOANH THU (đồng)	TỈ LỆ (%)
Sabeco	Bia	940,849,542,018	96.47
Cao su	Cao su	1,606,120,940	0.16
Vinamilk	Sữa	3,986,063,925	0.41
Chương Dương	Nước ngọt	7,428,368,255	0.76
Nhà máy - T. Mại	Vật tư sản xuất, bao bì chai kiện	21,357,120,390	2.19
Tổng doanh thu		975,227,215,528	100



Để đáp ứng yêu cầu vận chuyển của Sabeco, Công ty đã chủ trương không gia tăng năng lực vận chuyển đối với các mặt

hàng khác. Mọi nguồn lực tập trung cho kế hoạch tiêu thụ 1.250 tỷ lít bia trong năm 2012.



II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2012

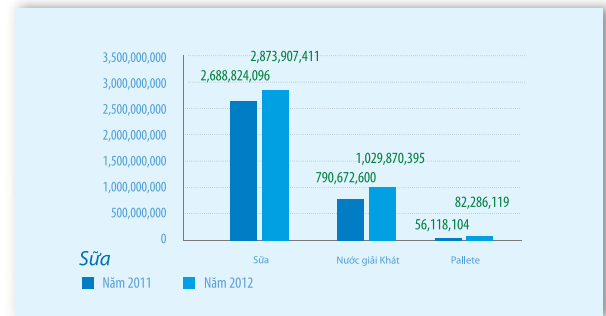
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
2. Tổ chức và nhân sự
3. Tình hình đầu tư thực hiện các dự án
4. Tình hình tài chính
5. Cơ cấu cổ đông Sabetran JSC

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH (tiếp)

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG VẬN CHUYỂN NĂM 2012 SO VỚI NĂM 2011:

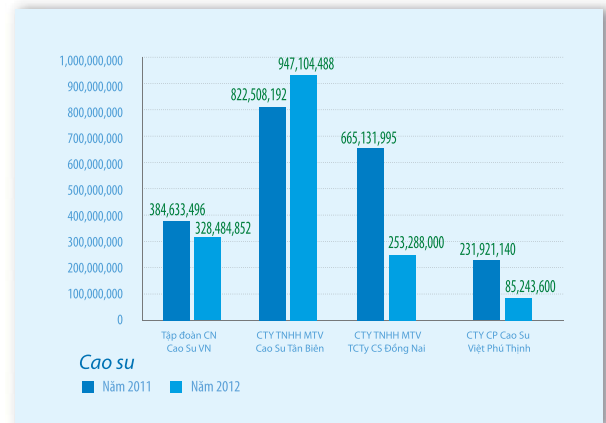
Sữa:

MẶT HÀNG (1)	ĐVT (2)	NĂM 2011 (3)	NĂM 2012 (4)	TĂNG TRƯỞNG (5)=(4)/(3)-1
Sữa		2,668,824,096	2,873,907,411	7.68%
Nước giải khát	Đồng	790,672,600	1,029,870,395	30.25%
Pallete		56,118,104	82,286,119	46.63%
Tổng doanh thu		3,515,614,800	3,986,063,925	13.38%



Cao su:

ĐƠN VỊ (1)	ĐVT (2)	NĂM 2011 (3)	NĂM 2012 (4)	TĂNG TRƯỞNG (5)=(4)/(3)-1
Tập đoàn công nghiệp cao su VN		384,633,496	320,484,852	- 16.68%
Cao su Tân Biên		822,508,192	947,104,488	15.15%
Cao su Đồng Nai	Đồng	665,131,995	253,288,000	- 61.92%
Cao su Việt Phú Thịnh		231,921,140	85,243,600	- 63.24%
Tổng doanh thu		2,104,194,823	1,606,120,940	- 23.67%



Công ty đã chủ trương giảm sản lượng và tiến đến ngưng vận chuyển hàng cho Cao su Đồng Nai và Việt Phú Thịnh từ cuối Quý 3 năm 2012.

Chương Dương:

CHỈ TIÊU	NĂM 2011 (1)	NĂM 2012 (2)	TĂNG TRƯỞNG (3)=(2)/(1)-1
Số lít vận chuyển	21,063,243	15,031,326	- 28.64%
Doanh thu	5,906,030,150	7,428,368,255	25.78%

Tổng số lít năm 2012 giảm 28.64 % so với năm 2011 do các đơn vị Hiếu Huy, Hoa Đẹp, Hoàng Em, Hồng Tâm, Trần Thị Nhẫn là các đơn vị tự vận chuyển nước ngọt của chính đại lý của mình nên họ chỉ vận chuyển khi bán được hàng.

Tuy nhiên, doanh thu năm 2012 lại tăng 25.78 % so với năm 2011 do đơn giá vận chuyển được điều chỉnh tăng từ 490 đồng/lít lên 501 đồng/lít từ tháng 8 năm 2012.



II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2012

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Tổ chức và nhân sự
- Tình hình đầu tư thực hiện các dự án
- Tình hình tài chính
- Cơ cấu cổ đông Sabetran JSC

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH (tiếp)

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG VẬN CHUYỂN NĂM 2012 SO VỚI NĂM 2011:

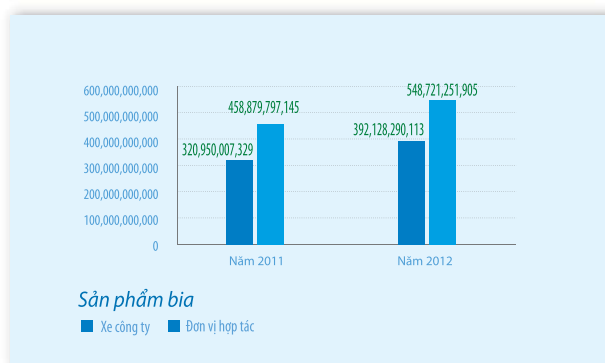
Vật tư sản xuất, bao bì chai kiện:

MẶT HÀNG (1)	ĐVT (2)	NĂM 2011 (3)	NĂM 2012 (4)	TĂNG TRƯỞNG (5)=(4)/(3)-1
Vật tư sx		1,721,763,985	1,936,429,096	12.47%
Malt		7,867,393,307	5,424,727,222	-31.05%
Kiện chai		2,739,342,669	3,162,338,663	15.44%
Thùng giấy		1,504,320,736	2,089,293,836	38.89%
Két chai		3,692,493,117	6,285,722,824	70.23%
Pallet nhựa	Đồng	160,273,440	143,830,420	-10.26%
Két nhựa rỗng		323,000	2,204,073,329	682,275.64%
Rọ nhựa			35,000,000	100%
Nước tinh khiết đóng chai			39,500,000	100%
Lịch			36,205,000	100%
Tổng cộng		17,685,910,254	21,357,120,390	20.76%



Sản phẩm bia:

ĐƠN VỊ VC (1)	ĐVT (2)	NĂM 2011 (3)	NĂM 2012 (4)	TĂNG TRƯỞNG (5)=(4)/(3)-100%
ĐV hợp tác	Đồng	320,950,007,329	392,128,290,113	22.18%
Tỉ trọng	%	41.64	41.68	
Xe Công ty	Đồng	458,879,797,145	548,721,251,905	19.58%
Tỉ trọng	%	58.84	58.32	
Tổng doanh thu		779,829,804,474	940,849,542,018.00	20.65%



Tổng doanh thu năm 2012 tăng so với doanh thu vận chuyển năm 2011 là 20.85%. Tuy nhiên, để xác định hiệu quả kinh doanh trong kỳ, ta cần xét đến các yếu tố sản lượng, khối lượng luân chuyển và chi phí.

Tổng doanh thu vận chuyển bia năm 2012
tăng so với năm 2011:

20.85%



II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2012

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

2. Tổ chức và nhân sự

3. Tình hình đầu tư thực hiện các dự án

4. Tình hình tài chính

5. Cơ cấu cổ đông Sabetran JSC

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

BAN ĐIỀU HÀNH

Ban điều hành của Công ty gồm có một Tổng Giám đốc và hai Phó Tổng Giám đốc. Tổng Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm, là người chịu trách nhiệm chính và duy nhất trước HĐQT về tất cả các hoạt động kinh doanh của Công ty. Phó Tổng Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm theo đề xuất của Tổng Giám đốc.

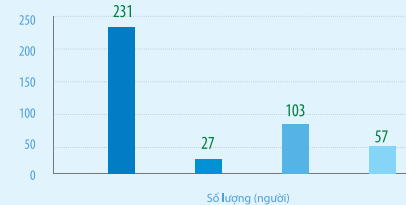
Thành viên Ban điều hành:

Ông Nguyễn Quang Tiếp	- Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hoài Bắc	- Phó Tổng giám đốc
Ông Đàm Phan Liêm	- Phó Tổng giám đốc
Ông Trần Bình Nam	- Kế Toán Trưởng

TỔNG QUAN VỀ TÌNH HÌNH NHÂN SỰ VÀ CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Tổng quan về tình hình nhân sự 2012

Tình hình nhân sự Công ty trong năm 2012 vẫn ổn định. Năm 2012 cũng là năm có số lượng nghỉ hưu cao nhất – 7 người chủ yếu ở bộ phận gián tiếp, nghỉ việc 32 người (lái xe: 28 người, gián tiếp: 4 người). Công ty tuyển dụng mới 34 lái xe và bảo vệ theo xe, bộ phận gián tiếp: 4 người. Tổng số lao động công ty đến thời điểm 31/12/2012 là 413 người, trong đó lái xe là 231 người, công nhân sửa chữa (27 người), nhân viên giao nhận (52 người), nhân viên văn phòng, nhân viên bảo vệ, tạp vụ, bốc xếp (103 người).



Biểu đồ nhân sự công ty năm 2012

■ Lái xe ■ Công nhân sửa chữa ■ Chuyên môn nghiệp vụ VP ■ Phục vụ, giao nhận

Chế độ chính sách đối với người lao động:

- Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách cho người lao động theo đúng quy định của pháp luật. Một trăm phần trăm số lao động làm việc ký hợp đồng lao động với công ty được Công ty trích nộp Bảo hiểm Xã hội, Bảo hiểm Y tế và Bảo hiểm thất nghiệp.
- Công tác chăm sóc sức khỏe, khám bệnh năm luôn được Công ty thực hiện đầy đủ. Tổ chức khám sức khỏe định kỳ năm

2012 : 413 người.

- Người lao động được nghỉ phép và hưởng lương phép theo đúng quy định.
- Công ty mua Bảo hiểm tai nạn 24/24 cho người lao động.
- Một trăm phần trăm lao động làm việc tại công ty được ký các loại hợp đồng lao động từ 1-3 năm hoặc không xác định thời hạn.

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ LỚN:

Trong năm 2013 không có khoản đầu tư lớn.

TÓM TẮT VỀ HOẠT ĐỘNG VÀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA CÁC CÔNG TY CON:

1. Công ty Sabetran Miền bắc:

- Công ty Cổ phần Vận tải và Giao nhận bia Sài Gòn Sabetran Miền Bắc được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2703001595 ngày 18 tháng 09 năm 2007 và giấy chứng nhận đăng ký thay đổi số 2900828858 ngày 16 tháng 07 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp.

- Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh vận tải hàng hóa, hành khách đường bộ, dịch vụ vận chuyển hàng hóa, mua bán

vật tư, phụ tùng thiết bị vận tải, mua bán bia, nước giải khát, sửa chữa phương tiện vận tải đường bộ, cho thuê nhà xưởng, kho bãi, văn phòng, dịch vụ vệ sinh công nghiệp.

- Trụ sở chính của Công ty tại số 26 Nguyễn Sinh Sắc, phường Cửa Nam, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

Tình hình tài chính năm 2012:

- Doanh thu: 104.091.427.079
- Chi phí: 97.422.779.753
- Lãi trước thuế: 6.668.647.326
- Lãi sau thuế: 5.396.634.044
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu: 2.068
- Tổng tài sản: 64.540.653.971
- Vốn chủ sở hữu: 28.385.979.180

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2012

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
2. Tổ chức và nhân sự
3. Tình hình đầu tư thực hiện các dự án
4. Tình hình tài chính
5. Cơ cấu cổ đông Sabetran JSC

TÓM TẮT VỀ HOẠT ĐỘNG VÀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA CÁC CÔNG TY CON (tiếp):

2. Công ty Sabetran Miền Trung:

- Công ty Cổ phần Vận tải và Giao nhận bia Sài Gòn Sabetran – Miền Trung được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4300360755 ngày 20 tháng 09 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp và các giấy chứng nhận đăng ký sửa đổi bổ sung.
- Hoạt động chính của Công ty là vận tải hàng hóa bằng đường bộ, bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác, cho thuê nhà xưởng, kho bãi và văn phòng, dịch vụ vệ sinh công nghiệp, giao nhận hàng hóa, mua bán bia, rượu, nước giải khát, mua bán vật tư, phụ tùng, thiết bị vận tải, vận chuyển hành khách bằng ô tô.
- Trụ sở chính của Công ty tại 70 Nguyễn Chí Thanh, Phường Quảng Phú, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

Tình hình tài chính năm 2012:

- Doanh thu : 144.005.746.882
- Chi phí : 136.825.127.673
- Lãi trước thuế: 7.180.619.209
- Lãi sau thuế: 5.771.434.064
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu : 2.221
- Tổng tài sản : 66.129.443.161
- Vốn chủ sở hữu : 28.856.078.260

3. Công ty Sabetran Miền Tây:

- Công ty Cổ phần Vận tải và Giao nhận Bia Sài Gòn - Miền Tây được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5403000059 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 06 tháng 11 năm 2007. Đăng ký thay đổi lần 4 ngày 26 tháng 09 năm 2011.

- Hoạt động chính của Công ty là: vận chuyển hành khách bằng ô tô; vận tải hàng hóa đường bộ; mua bán vật tư, phụ tùng, thiết bị vận tải; sửa chữa phương tiện vận tải đường bộ; mua bán bia rượu, nước giải khát; cho thuê nhà xưởng, kho bãi văn phòng; dịch vụ vệ sinh.

- Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 24 – 26 đường B25, khu dân cư 91B, phường An Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Tình hình tài chính năm 2012:

- Doanh thu : 96.403.837.914
- Chi phí : 90.149.701.828
- Lãi trước thuế: 6.254.136.086
- Lãi sau thuế: 4.483.978.877
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu : 1.684
- Tổng tài sản : 58.774.814.988
- Vốn chủ sở hữu : 29.126.710.473

Năm 2012, 03 Công ty con hoạt động kinh doanh hiệu quả. Dưới sự chỉ đạo của HĐQT, các Công ty đã thể hiện được sự kết nối của tập đoàn, phối hợp kinh doanh vận chuyển nhịp nhàng, nâng cao tính chuyên nghiệp của tập đoàn vận tải.



II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2012

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
2. Tổ chức và nhân sự
3. Tình hình đầu tư thực hiện các dự án
4. Tình hình tài chính
5. Cơ cấu cổ đông Sabetran JSC

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

STT	CHỈ TIÊU	NĂM 2011	NĂM 2012	% TĂNG GIẢM
01	Tổng giá trị tài sản	432,185,249,103	412,320,298,045	95%
02	Doanh thu thuần	884,626,702,690	1,018,387,380,677	115%
03	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	62,560,344,333	91,307,849,574	146%
04	Lợi nhuận khác	62,811,518	292,404,330	466%
05	Lợi nhuận trước thuế	4,923,413,597	30,955,603,864	629%
06	Lợi nhuận sau thuế	1,871,708,360	25,861,697,071	1382%
07	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (%)	20	20	100%

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

STT	CHỈ TIÊU	NĂM 2011	NĂM 2012	Ghi chú
1	CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG THANH TOÁN			
	Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSLD/Nợ ngắn hạn)	1.279	1.333	
	Hệ số thanh toán nhanh (TSLD/HTK)	63.25	105.92	
	Nợ ngắn hạn	201,494,824,440	181,633,392,273	
2	CHỈ TIÊU VỀ CƠ CẤU VỐN			
	Hệ số nợ/ tổng TS	0.557	0.542	
	Hệ số nợ/ Vốn CSH	1.624	1.498	
3	CHỈ TIÊU VỀ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG			
	Vòng quay hàng tồn kho	202	406	
	Giá vốn hàng bán	822,066,358,357	927,079,531,103	
	Hàng tồn kho bình quân	4,074,290,490	2,285,722,433	
	Doanh thu thuần/Tổng TS	2.145	2.356	
4	CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG SINH LỜI			
	Hệ số LN sau thuế/DT thuần	0.21%	2.54%	
	Hệ số LN sau thuế/ Vốn CSH	1.32%	16.53%	
	Hệ số LN sau thuế/ Tổng TS	0.45%	5.98%	
	Hệ số LN từ hoạt động KD/ DT thuần	0.55%	3.01%	

Lợi nhuận sau thuế năm 2012:

25,861,697,071 VND

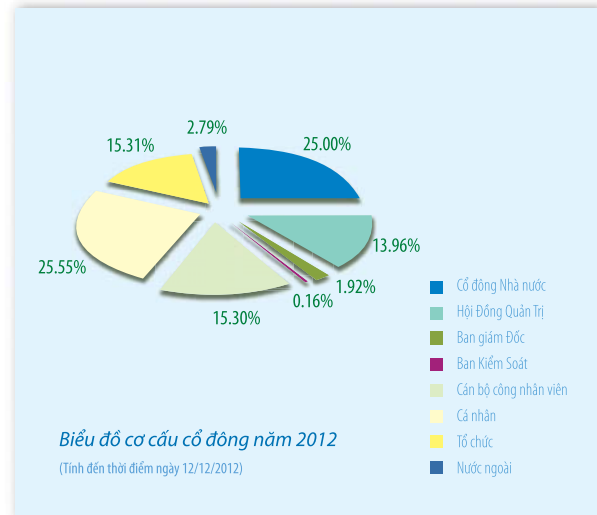


II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2012

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
2. Tổ chức và nhân sự
3. Tình hình đầu tư thực hiện các dự án
4. Tình hình tài chính
5. Cơ cấu cổ đông Sabetran JSC

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

	SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN	TỶ LỆ
Cổ đông Nhà nước	2.000.000	25,00%
Cổ đông nội bộ	1.283.318	16,04%
Hội Đồng Quản Trị	1,117,044	13,96%
Ban giám Đốc	153,274	1,92%
Ban Kiểm Soát	13,000	0,16%
Cổ đông trong công ty:	1,224,012	15,30%
Cổ phiếu quỹ	0	0,00%
Cán bộ công nhân viên	1,224,012	15,30%
Cổ đông ngoài công ty	3,492,670	43,66%
Cá nhân	2,044,274	25,55%
Tổ chức	1,225,054	15,31%
Nước ngoài	223,342	2,79%
Cộng	8.000.000	100%



Danh sách cổ đông lớn:

Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần đến ngày 12/12/2012

STT	TÊN CỔ ĐÔNG	ĐỊA CHỈ	SỐ CỔ PHẦN SỞ HỮU	TỶ LỆ SỞ HỮU (%)
1	Đại diện phần vốn Nhà nước:			
	Tổng Công ty Cổ phần Rượu Bia Nước giải khát Sài Gòn (SABECO) Ông Nguyễn Quang Tiếp – Tổng giám đốc - là Đại diện cho phần vốn Nhà nước	Số 6, Hai Bà Trưng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM	2.000.000	25%
2	Cổ đông khác			
	Nguyễn Thị Hạnh	450/2 Trần Hưng Đạo, Phường 2, Quận 5, TP. HCM	458.410	5,7%
	Tổng cộng		2.458.410	30,7%

Danh sách cổ đông sáng lập:

Tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu của cổ đông sáng lập ở thời điểm hiện tại:

STT	TÊN CỔ ĐÔNG	SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN SỞ HỮU	TỶ LỆ SỞ HỮU (%)
1	Tổng công ty CP Bia Rượu NGK Sài Gòn	2.000.000	25%
2	Công ty cổ phần Vận tải và Thương mại	156.800	1,96%
3	Công ty cổ phần Vận Tải, Giao nhận, Thương mại Quang Châu	179.200	2,24%
4	Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Sài Gòn 9	112.000	1,40%
	Tổng cộng	2.448.000	30,6%



BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC



1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
2. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
3. Kế hoạch phát triển trong tương lai

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
2. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
3. Kế hoạch phát triển trong tương lai

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Năm 2012 là một năm được đánh giá là năm đặc biệt khó khăn đối với kinh tế cả nước nói chung. Tuy nhiên, Công ty chúng ta có được thuận lợi lớn là hoạt động kinh doanh vẫn giữ ổn định nhờ nguồn tiêu thụ hàng hóa của SABECO, đó là thuận lợi lớn nhất của Công ty.

Đánh giá được tầm quan trọng đó, năm 2012, dưới sự chỉ đạo của Hội đồng quản trị, Ban điều hành đã tập trung mọi nỗ lực, mọi nguồn lực của mình để hoàn thành xuất sắc các kế hoạch tiêu thụ của SABECO trong tất cả các thời điểm, đặc biệt là vào mùa cao điểm tiêu thụ bia trong dịp Lễ, tết. Tính đến hết ngày 31/12/2012 Công ty đã vận chuyển được 1.267.012.802 lít bia, tăng 7,2% so với sản lượng vận chuyển năm 2011 là 1.181.369.803 lít. Kết quả vận chuyển trên đã đem lại kết quả lợi nhuận năm 2012 tăng vượt trội so với năm 2011 và so với kế hoạch năm 2012.

Năm 2012, Công ty cũng đã đạt được những tiến bộ nhất định:

- Công ty nằm trong top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam.
- Triển khai xây dựng, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008, đã giúp các bộ phận nghiệp vụ tinh giảm công việc, xóa bỏ những công việc chồng chéo, phân công trách nhiệm rõ ràng, dễ dàng kiểm soát công việc, hỗ trợ phân tích, đánh giá và phòng ngừa rủi ro nâng cao hiệu quả công việc. Chính sách, mục tiêu chất lượng được công bố đến từng nhân viên trong công ty, tạo sự minh bạch, thông suốt về chiến lược, định hướng, kế hoạch phát triển của công ty từ cấp lãnh đạo tới người lao động.
- Hoàn thiện hệ thống giám sát vận tải qua GPS, tăng cao năng lực điều hành quản lý phương tiện vận tải.
- Nâng cấp hệ thống thông tin, tăng tính an toàn, bảo mật cho

dữ liệu hoạt động kinh doanh của công ty. Thống nhất hệ thống dữ liệu, ứng dụng quản lý trong toàn hệ thống giữa công ty mẹ và các công ty con.

- Triển khai kinh doanh dịch vụ cho thuê “Hệ thống giám sát hành trình vận chuyển”. Hiện nay, số lượng thiết bị thuê bao là 253 thiết bị. Tiền dịch vụ thu được hàng tháng là 35,340,000 đồng (bao gồm phí dịch vụ là 17,360,000 đồng và phí thuê thiết bị là 17,980,000 đồng). Tổng giá trị các hợp đồng thuê bao dịch vụ, mua bán thiết bị đã ký với các khách hàng trong năm là 1,215,400,000 đồng.

- Theo yêu cầu quản lý tiến độ vận chuyển của Công ty TNHH Thương Mại MTV Sa Be Co, công ty đã triển khai xây dựng hệ thống kiểm soát tiến độ qua thẻ từ gắn chip RFID đối với các đối tác vận chuyển thuê ngoài, nhằm kiểm tra thời gian giao nhận hàng hóa một cách tự động, minh bạch, không phụ thuộc con người. Bên cạnh đó mọi số liệu nhập xuất tại các kho, nhà máy sẽ online ngay lập tức khi thực hiện việc xuất nhập tại kho, nhà máy, giảm thời gian có số liệu điều hành từ 1 ngày xuống thành ngay tức thì giúp cho việc kiểm soát, theo dõi tiến độ vận chuyển, hàng hóa đi trên đường được kịp thời.

- Xây dựng trang web báo cáo và hỗ trợ theo dõi tiến độ cho các đơn vị vận chuyển đối tác, giúp tăng khả năng quản lý số liệu vận chuyển cho các đối tác vận chuyển thuê ngoài, giúp cho việc theo dõi tiến độ thực hiện vận chuyển được nhanh chóng kịp thời hơn.

- Để phù hợp với nhu cầu quản lý ngày càng chặt chẽ, hiệu quả và minh bạch, Ban điều hành dự định triển khai hệ thống “Quản trị các nguồn lực doanh nghiệp” (ERP). Công ty đã thuê đơn vị chuyên tư vấn khảo sát đánh giá tiến hành đánh giá lại toàn bộ tình hình ứng dụng công nghệ thông tin trong công ty, đưa ra giải pháp bổ sung các điều kiện cần và đủ để triển khai hệ thống ERP cho công ty.



III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

2. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

3. Kế hoạch phát triển trong tương lai

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

- Tăng cường công tác huấn luyện lái xe, xây dựng chế độ đãi ngộ đối với lái xe. Củng cố và xây dựng văn hóa doanh nghiệp.
- Phát huy tối đa vai trò của công nghệ thông tin vào hệ thống quản trị nội bộ, quản lý phương tiện vận tải, quản lý hoạt động kinh doanh vận tải.
- Đánh giá lại các nguồn lực thông qua chương trình ERP để khai thác các nguồn lực trong công ty một cách hiệu quả nhất.
- Cải cách bộ máy quản lý theo hướng tinh giảm biên chế bộ phận gián tiếp, giảm nhân sự không cần thiết ở các phòng ban, bộ phận quản lý. Nâng cao hiệu quả hoạt động của bộ phận gián tiếp, tiết giảm chi phí quản lý.
- Thường xuyên huấn luyện để nâng cao chuyên môn và kỹ năng làm việc. Bổ sung nhân sự có đủ kiến thức và kinh nghiệm mà công việc đòi hỏi. Đánh giá năng lực và hiệu quả công việc thông qua đánh giá nội bộ và phản ánh của đối tác bên ngoài về mức độ hài lòng. Xây dựng chính sách khen thưởng và kỷ luật hợp lý để khuyến khích nhân viên nhằm tăng khả năng làm việc. Xây dựng lòng tự hào của nhân viên về công ty.
- Công nghệ hóa tất cả các hoạt động trong Công ty, mọi hoạt động của công ty đều được lên trang web, các công việc của từng nhân viên đều được giám sát và lưu trữ, đảm bảo tính minh bạch, thông suốt trong công việc của từng nhân viên, giảm thiểu chi phí văn phòng.

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

- Tiếp tục củng cố những giá trị và lợi thế cạnh tranh mà SABETRA đã xây dựng được. Nâng cao chất lượng dịch vụ vận tải để phục vụ SABECO tốt nhất. Hoàn thành kế hoạch vận chuyển của SABECO trong năm 2013 là 1.350.000.000lít bia.
- Đa dạng hóa các hình thức vận chuyển: đường biển, đường bộ, đường sắt. Tăng cường năng lực cạnh tranh trong lĩnh vực vận chuyển đường bộ.
- Xây dựng mục tiêu phát triển bền vững, xây dựng cơ chế kinh doanh vận tải bảo đảm an toàn, bảo vệ môi trường, chia sẻ trách nhiệm với cộng đồng.
- Tiếp tục theo đuổi chiến lược tối thiểu hóa chi phí, Tối ưu hóa cung đường vận chuyển, Thiết lập lộ trình xe hợp lý, hạn chế trường hợp xe lăn bánh không có hàng, Chuẩn hóa dịch vụ vận tải, Áp dụng triệt để công nghệ tiên tiến để tối thiểu hóa chi phí.
- Từng bước chuẩn hóa việc xây dựng thương hiệu và văn hóa doanh nghiệp.
- Xây dựng chương trình quản lý vô xe bằng chip RFID, giám sát quá trình sử dụng vô xe trong hoạt động vận chuyển giúp cho đội xe quản lý chặt chẽ hơn trong chi phí vô xe hàng năm.
- Xây dựng lại chương trình quản lý nhân sự theo nhu cầu mới, đáp ứng nhu cầu quản lý toàn bộ thông tin về cán bộ, công nhân viên công ty, để bộ phận quản lý nhân sự có thể nắm bắt kịp thời tâm tư nguyện vọng của người lao động, khai thác hiệu quả nguồn nhân lực của công ty.
- Nhằm giảm chi phí đi lại trong hội họp, cũng như tạo điều kiện cho các cổ đông có thể tham gia đại hội hoặc góp ý, công ty sẽ xây dựng hệ thống hội họp, bầu cử, bỏ phiếu trực tuyến thông qua trang web công ty.

Kế hoạch vận chuyển cho SABECO trong năm 2013:

1,350 tỷ lít bia.



IV ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY



1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty và Ban điều hành
2. Các kế hoạch, định hướng của HĐQT

“Sabetrans luôn chú trọng công tác tuyển dụng và có chế độ đãi ngộ đối với lao động có trình độ chuyên môn cao. Với đội ngũ lao động trực tiếp là các lái xe, Sabetrans đặc biệt quan tâm việc huấn luyện về chuyên môn, chấp hành theo quy trình tuyển dụng và đào tạo, nhằm đạt đến sự chuyên nghiệp, để đảm bảo công tác vận tải an toàn và hiệu quả.”

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

Năm 2012 là một năm rất khó khăn đối với nền kinh tế nói chung và Công ty nói riêng. Trong điều kiện đó, Công ty vẫn đạt được những kết quả nhất định, hoàn thành tốt các chỉ tiêu tài chính do Hội đồng quản trị và Đại hội Đồng cổ đông đề ra. Đó là một nỗ lực rất lớn của Ban Điều hành và toàn thể Công ty. Hội đồng Quản trị đánh giá cao những kết quả Công ty đã đạt được trong năm 2012 cụ thể như sau:

- Hoàn thành kế hoạch vận chuyển 1.267.012.802 lít bia trong năm 2012, tăng 7,2% so với sản lượng vận chuyển năm 2011.

- Hoàn thành vượt mức kế hoạch kinh tế năm 2012. Doanh thu năm 2012 đạt 1.014.427.656.111 đồng tăng gần 15% so với năm 2011, Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh đạt 18.861.120.121 đồng.

- Thực hiện chi trả cổ tức theo đúng tỷ lệ do Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 đề ra là 20%.

- Triển khai xây dựng, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008.

- Hệ thống công nghệ thông tin phát triển, hệ thống giám sát vận tải qua GPS hoạt động hiệu quả, nâng cao năng lực điều hành quản lý phương tiện vận tải. Thống nhất hệ thống dữ liệu, ứng dụng quản lý trong toàn hệ thống giữa công ty mẹ và các công ty con.

- Công tác quản trị nội bộ tốt, các phòng ban trong hệ thống hoạt động đồng bộ, phương tiện hoạt động hiệu quả.

- Tình hình nhân sự trong Công ty ổn định. Công tác chăm sóc sức khỏe người lao động thực hiện tốt. Chế độ phúc lợi, bảo hiểm đối với người lao động được quan tâm đúng mức.

- Các hoạt động công đoàn, đoàn thể, các phong trào thi đua, văn nghệ ... trong Công ty hoạt động hiệu quả, tạo sự đoàn kết, gắn bó của tập thể người lao động đối với Công ty.

Bên cạnh những thành tựu đạt được, Ban Điều hành cũng cần xem xét những tồn tại, hạn chế của mình ở những lĩnh vực sau:

- Vấn đề quản lý xuất nhập hàng hóa, bao bì ở các Nhà máy



Ông **VŨN THANH LIÊM**
Chủ tịch Hội đồng Quản trị Sabetran JSC

sản xuất, các Kho vẫn còn nhiều sơ hở. Cần tăng cường công tác kiểm tra, giám sát hoạt động của nhân viên giao nhận ở các nhà máy, nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ và hiệu quả hoạt động của nhân viên giao nhận ở các kho, nhà máy.

- Công tác vận chuyển bia có nơi, có lúc chưa đáp ứng được yêu cầu của khách hàng về tiến độ, thời gian vận chuyển, đặc biệt là trong các dịp cao điểm.

- Vấn đề vận chuyển nước ngọt Chương Dương còn một số vướng mắc cần phải giải quyết dứt điểm để thu hồi tiền vận chuyển năm 2011 về cho Công ty.

- Một số vấn đề khác: Ban điều hành phải có các biện pháp cương quyết trong việc thu hồi các khoản nợ của Công ty, không để xảy ra tình trạng nợ khó đòi trong năm 2013.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty và Ban điều hành

2. Các kế hoạch, định hướng của HĐQT

CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HĐQT



- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát các mặt hoạt động của Ban điều hành, đảm bảo nâng cao chất lượng dịch vụ vận tải để phục vụ các Công ty trong hệ thống SABECO tốt nhất; Hoàn thành kế hoạch vận chuyển của SABECO trong năm 2013 là 1.350.000.000lít bia.

- Đánh giá hiệu quả của từng hình thức vận chuyển: đường bộ, đường sắt, đường biển để xây dựng phương án vận chuyển hiệu quả nhất dựa trên thế mạnh của từng loại hình vận chuyển trong từng thời điểm, đảm bảo chi phí vận chuyển thấp nhất mà vẫn đáp ứng được các yêu cầu về tiến độ của khách hàng.

- Nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh vận tải, đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu tài chính do Đại hội đồng cổ đông đề ra, xây dựng cơ chế kiểm soát chặt chẽ các khoản chi phí trong hoạt động của Công ty.

- Chú trọng công tác nhân sự, tinh giảm bộ máy quản lý, giảm nhân sự ở các bộ phận không cần thiết, nâng cao hiệu quả hoạt động của bộ máy quản lý thông qua chế độ đãi ngộ đúng mức đối với nhân sự có trình độ chuyên môn cao.

- Xây dựng chính sách phát triển bền vững, bảo vệ môi trường, chia sẻ trách nhiệm với cộng đồng.

V**QUẢN TRỊ CÔNG TY**

1. Hội đồng Quản trị
2. Ban Kiểm soát
3. Ban Điều hành
4. Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BGD và BKS

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông **VŨN THANH LIÊM**
Chủ tịch

Ông Văn Thanh Liêm sinh ngày 7/7/1950 tại Nghệ An. Các chức danh ông đang nắm giữ khác: Chủ tịch HĐQT Công ty CP Bia Sài Gòn Phú Lý; Chủ tịch HĐQT Công ty CP Bia Sài Gòn Bình Tây, Chủ tịch HĐQT Công ty CP Bao bì Sabeco Sóng Lam.



Ông **NGUYỄN QUANG TIẾP**
Thành viên

Ông Nguyễn Quang Tiếp sinh ngày 23/7/1958 tại Hà Nội. Các chức danh ông đang nắm giữ khác: Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty CP Vận tải và Giao nhận Bia Sài Gòn – Sabetran Miền Bắc, Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty CP Vận tải và Giao nhận Bia Sài Gòn Miền Tây.



Ông **NGUYỄN HOÀI BẮC**
Thành viên

Ông Nguyễn Hoài Bắc sinh ngày 4/8/1958 tại Thanh Hóa. Các chức danh ông đang nắm giữ khác: Phó Tổng Giám đốc Sabetran.



Ông **ĐÀM PHAN LIÊM**
Thành viên

Ông Đàm Phan Liêm sinh ngày 15/7/1966 tại TP. Hồ Chí Minh. Các chức danh ông đang nắm giữ khác: Thành viên HĐQT Công ty CP Bao bì Sabeco Sóng Lam, Thành viên BKS Công ty CP Bia Sài Gòn Bình Tây.



Ông **NGUYỄN NGỌC XUÂN**
Thành viên

Ông Nguyễn Ngọc Xuân sinh ngày 8/5/1960 tại Bến Tre. Các chức danh ông đang nắm giữ khác: Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Vận tải giao nhận và Thương mại Quang Châu.



Ông **NGUYỄN XUÂN HẢI**
Thành viên

Ông Nguyễn Xuân Hải sinh ngày 1/8/1958 tại Hà Nội. Các chức danh ông đang nắm giữ khác: Thành viên HĐQT Công ty CP Bia Sài Gòn Phú Lý, Thành viên HĐQT Công ty CP Bia Sài Gòn Bình Tây, Thành viên HĐQT Công ty CP Bao bì Sabeco Sóng Lam.



Ông **NGUYỄN HÙNG DŨNG**
Thành viên

Ông Nguyễn Hùng Dũng sinh ngày 15/12/1958 tại Nghệ An. Các chức danh ông đang nắm giữ khác: Giám đốc Công ty CP Vận tải và giao nhận Bia Sài Gòn Sabetran miền Bắc.

HĐQT là tổ chức quản lý cao nhất của Công ty do ĐHCĐ bầu ra gồm 7 thành viên với nhiệm kỳ là 5 năm. HĐQT nhân danh Công ty quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích và quyền lợi của Công ty. Các thành viên HĐQT nhóm họp và bầu Chủ tịch HĐQT.

BAN KIỂM SOÁT



Ông **NGUYỄN HỮU CHƯƠNG**
Trưởng ban

Ông Nguyễn Hữu Chương sinh ngày 11/9/1958 tại Hà Nội. Các chức danh ông đang nắm giữ khác: Phó Chủ tịch HĐQT Công ty quản lý quỹ Lộc Việt, Chủ tịch HĐQT Công ty TM & ĐT XNK An Lộc, Thành Viên HĐQT Công ty môi giới bảo hiểm Á Đông.



Bà **NGUYỄN THỊ THÙY LINH**
Thành viên

Bà Nguyễn Thị Thùy Linh sinh ngày 7/6/1968 tại TP. HCM. Chức danh bà đang nắm giữ khác: Phó phòng tài chính Tổng Công ty CP Bia Rượu Nước Giải Khát Sài Gòn.



Bà **LÊ THỊ MAI HƯƠNG**
Thành viên

Bà Lê Thị Mai Hương sinh ngày 14/12/1967 tại TP. HCM. Các chức danh bà đang nắm giữ khác: Phó phòng kế toán Cty TNHH MTV Thương Mại Sabeco, Kế toán trưởng Công ty CP Thương Mại Sabeco Trung tâm.

Ban Kiểm soát là tổ chức giám sát, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý điều hành hoạt động kinh doanh, trong ghi chép sổ sách kế toán và tài chính của Công ty nhằm đảm bảo các lợi ích hợp pháp của các cổ đông. Ban Kiểm soát có 3 thành viên với nhiệm kỳ là 5 năm do ĐHDCĐ bầu ra.

BAN ĐIỀU HÀNH



Ông **NGUYỄN QUANG TIẾP**
Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Quang Tiếp sinh ngày 23/7/1958 tại Hà Nội. Các chức danh ông đang nắm giữ khác: Thành viên HĐQT Công ty CP Vận tải và Giao nhận Bia Sài Gòn, Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty CP Vận tải và Giao nhận Bia Sài Gòn – Sabetran Miền Bắc, Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty CP Vận tải và Giao nhận Bia Sài Gòn Miền Tây.



Ông **ĐÀM PHAN LIÊM**
Phó Tổng Giám đốc

Ông Đàm Phan Liêm sinh ngày 15/7/1966 tại TP. Hồ Chí Minh. Các chức danh ông đang nắm giữ khác: Thành viên HĐQT Công ty CP Bao bì Sabeco Sông Lam, Thành viên BKS Công ty CP Bia Sài Gòn Bình Tây.



Ông **NGUYỄN HOÀI BẮC**
Phó Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Hoài Bắc sinh ngày 4/8/1958 tại Thanh Hóa. Các chức danh ông đang nắm giữ khác: Thành viên HĐQT Công ty CP Vận tải và Giao nhận Bia Sài Gòn.



Ông **TRẦN BÌNH NAM**
Kế toán trưởng

Ông Trần Bình Nam sinh ngày 8/6/1965 tại TP. Hồ Chí Minh. Các chức danh ông đang nắm giữ khác: không.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng Quản trị
2. Ban kiểm soát
3. Ban Điều hành

4. Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BGD và BKS trong tư

TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHIẾU, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BGD VÀ BKS

Danh sách tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành và Ban Kiểm soát

STT	TÊN CÁ NHÂN/TỔ CHỨC	SỐ CỔ PHIẾU SỞ HỮU CUỐI KỲ	TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHIẾU CUỐI KỲ	STT	TÊN CÁ NHÂN/TỔ CHỨC	SỐ CỔ PHIẾU SỞ HỮU CUỐI KỲ	TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHIẾU CUỐI KỲ
1	Văn Thanh Liêm	0	0%	6	Đàm Phan Liêm	0	0%
2	Nguyễn Quang Tiếp	79.950	1%	7	Nguyễn Hùng Dũng	0	0%
3	Nguyễn Hoài Bắc	76.324	1%	8	Nguyễn Hữu Chương	13.000	0,016%
4	Nguyễn Ngọc Xuân	243.450	0,30%	9	Nguyễn Thị Thùy Linh	0	0%
5	Nguyễn Xuân Hải	58.050	0,07%	10	Bà Lê Thị Mai Hương	0	0%

Thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát

STT	HỌ TÊN	TỔNG CỘNG	TRONG ĐÓ THÙ LAO	TIỀN LƯƠNG	KHÁC
1	Văn Thanh Liêm	425,999,994	420,000,000		5,999,994
2	Nguyễn Xuân Hải	125,999,994	120,000,000		5,999,994
3	Nguyễn Ngọc Xuân	124,999,995	120,000,000		4,999,995
4	Nguyễn Hùng Dũng	125,999,994	120,000,000		5,999,994
5	Nguyễn Hữu Chương	120,000,000	120,000,000		0
6	Nguyễn Thị Thùy Linh	60,000,000	60,000,000		0
7	Lê Thị Mai Hương	60,000,000	60,000,000		0
8	Nguyễn Quang Tiếp	1,011,782,614		1,005,782,620	5,999,994
9	Nguyễn Hoài Bắc	843,782,614		837,782,620	5,999,994
10	Đàm Phan Liêm	841,782,616		836,782,621	4,999,995
	Tổng Cộng	3,740,347,821	1,020,000,000	2,680,347,861	39,999,960

Financial Report

REPORT

Financial Report

Financial Report

Report

rt



01. Báo cáo của đơn vị Kiểm toán độc lập
02. Bảng cân đối kế toán hợp nhất
03. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
04. Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
05. Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính được công bố tại Báo cáo thường niên này là báo cáo tài chính hợp nhất. Báo cáo tài chính của công ty mẹ được công bố tại website của Công ty theo địa chỉ : www.sabetranjsc.com

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2012

1. Báo cáo của đơn vị Kiểm toán độc lập

- Bảng cân đối kế toán hợp nhất
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
- Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo kiểm toán số:
59/BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

VỀ Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2012 của Công ty Cổ phần Vận tải và Giao nhận bia Sài Gòn và các công ty con

Kính gửi: **Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Vận tải và Giao nhận Bia Sài Gòn**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Vận tải và Giao nhận bia Sài Gòn và các công ty con được lập ngày 20/02/2013 gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 05 đến trang 32 kèm theo.

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính hợp nhất; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Vận tải và Giao nhận bia Sài Gòn và các công ty con tại ngày 31/12/2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2013

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN NAM VIỆT

Giám đốc



NGUYỄN THỊ LAN

Chứng chỉ KTV số: 0167/KTV

Kiểm toán viên

NGUYỄN ANH TUẤN

Chứng chỉ KTV số: 1559/KTV

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2012

1. Báo cáo của đơn vị Kiểm toán độc lập
2. Bảng cân đối kế toán hợp nhất
3. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
4. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
5. Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	31/12/2012	01/01/2012
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		257.679.540.692	242.103.943.553
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	35.767.372.632	37.851.195.075
1. Tiền	111		35.767.372.632	37.851.195.075
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		200.000.000	200.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	200.000.000	200.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		207.368.986.603	189.675.669.673
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	188.332.457.823	163.502.290.392
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	15.435.838.495	12.701.085.415
3. Các khoản phải thu khác	135	V.5	3.600.690.285	13.472.293.866
IV. Hàng tồn kho	140	V.6	4.074.290.490	2.285.722.433
1. Hàng tồn kho	141		4.074.290.490	2.285.722.433
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		10.268.890.967	12.091.356.372
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	6.210.038.249	4.343.212.433
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	445.638.506
3. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	154	V.8	1.975.368.080	3.686.981.565
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.9	2.083.484.638	3.615.523.868
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		154.640.757.353	190.081.305.550
I. Tài sản cố định	220		127.105.985.693	155.354.936.741
1. Tài sản cố định hữu hình	221		118.666.954.330	138.834.809.932
- Nguyên giá	222		219.277.773.067	207.358.415.591
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(100.610.818.737)	(68.523.605.659)
2. Tài sản cố định vô hình	227		8.288.695.000	8.288.695.000
- Nguyên giá	228		8.288.695.000	8.288.695.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		150.336.363	8.231.431.809
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		2.350.000.000	1.720.000.000
1. Đầu tư dài hạn khác	258		2.350.000.000	2.350.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259		-	(630.000.000)
III. Tài sản dài hạn khác	260		25.184.771.660	33.006.368.809
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		25.144.771.660	32.432.277.900
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	534.090.909
3. Tài sản dài hạn khác	268		40.000.000	40.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		412.320.298.045	432.185.249.103

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2012

1. Báo cáo của đơn vị Kiểm toán độc lập
2. Bảng cân đối kế toán hợp nhất
3. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
4. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
5. Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	31/12/2012	01/01/2012
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		229.791.580.400	234.302.961.718
I. Nợ ngắn hạn	310		201.494.824.440	181.633.392.273
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	23.904.422.918	28.996.000.000
2. Phải trả người bán	312	V.16	135.939.251.921	103.158.545.187
3. Người mua trả tiền trước	313	V.17	479.361	5.863.177.319
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.18	8.074.723.693	1.305.937.424
5. Phải trả người lao động	315		8.994.207.058	6.117.217.401
6. Chi phí phải trả	316	V.19	15.095.381.195	22.599.032.395
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.20	4.961.717.606	8.372.587.049
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		4.524.640.688	5.220.895.498
II. Nợ dài hạn	330		28.296.755.960	52.669.569.445
1. Vay và nợ dài hạn	334	V.21	28.296.755.960	52.201.178.878
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.22	-	468.390.567
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		141.497.060.512	156.435.775.660
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.23	141.497.060.512	156.435.775.660
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		80.000.000.000	80.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		27.496.000.000	27.496.000.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		18.728.535.560	18.702.295.721
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		9.130.589.728	9.053.134.233
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		6.141.935.224	21.184.345.706
II. Nguồn kinh phí	430		-	-
C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	V.24	41.031.657.133	41.446.511.725
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		412.320.298.045	432.185.249.103

Ngày 20 tháng 02 năm 2013

LÊ THỊ THU HÀ
Người lập biểu

TRẦN BÌNH NAM
Kế toán trưởng



NGUYỄN QUANG TIẾP
Tổng Giám đốc

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2012

1. Báo cáo của đơn vị Kiểm toán độc lập
2. Bảng cân đối kế toán hợp nhất
3. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
4. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
5. Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT Năm 2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	31/12/2012	01/01/2012
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		1.018.387.380.677	884.626.702.690
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	1.018.387.380.677	884.626.702.690
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	927.079.531.103	822.066.358.357
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		91.307.849.574	62.560.344.333
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	980.469.144	3.965.239.986
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	7.733.131.819	12.171.918.128
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		8.363.087.819	12.171.918.128
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	13.847.901.350	12.349.772.653
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	40.044.086.015	37.143.291.459
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		30.663.199.534	4.860.602.079
11. Thu nhập khác	31	VI.7	494.238.793	88.849.559
12. Chi phí khác	32	VI.8	201.834.463	26.038.041
13. Lợi nhuận khác	40		292.404.330	62.811.518
14. Phần lãi lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	50		-	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	60		30.955.603.864	4.923.413.597
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	61	VI.9	4.559.815.884	3.608.970.679
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	62	VI.10	534.090.909	(557.265.442)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	70		25.861.697.071	1.871.708.360
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	71		7.426.390.285	4.333.588.884
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	72		18.435.306.786	(2.461.880.524)
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	80	VI.11	2.304	(308)

Ngày 20 tháng 02 năm 2013

LÊ THỊ THU HÀ
Người lập biểu

TRẦN BÌNH NAM
Kế toán trưởng



NGUYỄN QUANG TIẾP
Tổng Giám đốc

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2012

1. Báo cáo của đơn vị Kiểm toán độc lập
2. Bảng cân đối kế toán hợp nhất
3. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
4. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
5. Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT Năm 2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	30.955.603.864	4.923.413.597
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	32.836.226.870	31.312.013.369
- Các khoản dự phòng	03	(630.000.000)	-
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(677.257.897)	(3.107.260.744)
- Chi phí lãi vay	06	8.363.087.819	12.171.918.128
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	70.847.660.656	45.300.084.350
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	105.860.918.491	(19.520.169.301)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(1.788.568.057)	(1.166.186.241)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(108.444.929.369)	5.881.876.367
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	5.420.680.424	(19.528.359.739)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(9.429.398.213)	(12.491.597.765)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(1.513.822.452)	(12.458.937.418)
- Tiền thu khác cho hoạt động kinh doanh	15	270.000.000	200.000.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(2.683.521.621)	(17.882.779.475)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	58.539.019.859	(31.666.069.222)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi mua, xây dựng tài sản cố định	21	(3.889.146.302)	(9.811.419.904)
2. Tiền thu bán tài sản cố định	22	-	9.025.000
3. Tiền chi cho vay	23	(3.500.000.000)	(33.781.927.200)
4. Tiền thu hồi cho vay	24	3.500.000.000	89.684.512.431
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức được chia	27	326.950.000	11.613.273.678
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(3.562.196.302)	57.713.464.005
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	1.150.000.000	8.100.000.000
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(30.146.000.000)	(26.337.045.000)
3. Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	36	(28.064.646.000)	(19.989.602.550)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(57.060.646.000)	(38.226.647.550)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(2.083.822.443)	(12.179.252.767)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	37.851.195.075	50.030.447.842
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	35.767.372.632	37.851.195.075

Ngày 20 tháng 02 năm 2013

LÊ THỊ THU HÀ
Người lập biểu

TRẦN BÌNH NAM
Kế toán trưởng



NGUYỄN QUANG TIẾP
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT Năm 2013

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Công ty Cổ phần Vận tải và Giao nhận Bia Sài Gòn (gọi tắt là Công ty Mẹ) là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước - Xí nghiệp Vận tải theo Quyết định số 1935/QĐ-TCCB ngày 01 tháng 6 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103003988 ngày 31 tháng 10 năm 2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp và các giấy chứng nhận đăng ký sửa đổi bổ sung.

Trụ sở chính của Công ty mẹ tại số 78 Tôn Thất Thuyết, phường 16, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh.

4. Danh sách các công ty con được hợp nhất:

TÊN CÔNG TY	ĐỊA CHỈ	TỶ LỆ LỢI ÍCH	TỶ LỆ QUYỀN BIỂU QUYẾT
Công ty cổ phần Vận tải và Giao nhận Bia Sài Gòn Sabetran Miền Bắc	Số 26 Nguyễn Sinh Sắc, P. Cửa Nam, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An	53 %	51 %
Công ty cổ phần Vận tải và Giao nhận Bia Sài Gòn Sabetran – Miền Trung	Số 70 Nguyễn Chí Thanh, P. Quảng Phú, Thành phố Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi	53 %	51 %
Công ty cổ phần Vận tải và Giao nhận Bia Sài Gòn - Miền Tây	Số 24 Đường B25 Khu dân cư 91B, P. An Khánh, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ	52 %	51 %

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các văn bản hướng dẫn sửa đổi bổ sung kèm theo.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy

1. Hình thức sở hữu vốn: Công ty cổ phần

2. Lĩnh vực kinh doanh: Dịch vụ, thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động của Công ty là kinh doanh vận tải hàng hóa, hành khách bằng ô tô; sản xuất, mua bán vật tư, phụ tùng, thiết bị vận tải (không gia công cơ khí tại trụ sở); mua bán rượu bia, nước giải khát (không kinh doanh dịch vụ ăn uống); sửa chữa phương tiện vận tải đường bộ; cho thuê nhà xưởng, kho bãi, văn phòng; dịch vụ vệ sinh công nghiệp; kinh doanh bất động sản; xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan.

định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Vận tải và Giao nhận Bia Sài Gòn (công ty mẹ) và các công ty con.

Các công ty con là các đơn vị do Công ty mẹ kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của một đơn vị để thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2012

1. Báo cáo của đơn vị Kiểm toán độc lập
2. Bảng cân đối kế toán hợp nhất
3. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
4. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
5. Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp)

Ngày 20 tháng 02 năm 2013

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nằm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của ngân hàng Công thương vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do việc đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tiền tệ được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa vật kiến trúc	06 - 25 năm
- Máy móc thiết bị	06 - 07 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Dụng cụ quản lý	03 - 05 năm

Tài sản cố định vô hình là giá trị quyền sử dụng đất lâu dài tại Nghệ An, Quảng Ngãi và Cần Thơ nên không trích khấu hao.

5. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:
- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn dưới 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn;
Dự phòng giảm giá đầu tư là số chênh lệch giữa giá gốc của

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp)

Ngày 20 tháng 02 năm 2013

các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng. Các khoản đầu tư chứng khoán chưa niêm yết vì không có đủ các thông tin cần thiết để lập dự phòng nên công ty không trích lập dự phòng đối với các khoản đầu tư này. Ban Tổng giám đốc Công ty tin rằng các khoản dự phòng đối với các khoản đầu tư này, nếu có, không ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính.

7. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

9. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ tức là lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty sẽ được chia cho các cổ đông, cổ tức được ghi nhận theo đề nghị của Hội đồng quản trị trong việc phân phối lợi nhuận trình Đại hội cổ đông.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
 - Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
 - Chi phí đi vay vốn;
 - Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời, còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

13. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2012

1. Báo cáo của đơn vị Kiểm toán độc lập
2. Bảng cân đối kế toán hợp nhất
3. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
4. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
5. Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp)

Ngày 20 tháng 02 năm 2013

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và các khoản vay.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm

14. Báo cáo bộ phận

Báo cáo theo bộ phận bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hoặc một bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

15. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tiền mặt	919.780.129	299.822.640
Tiền gửi ngân hàng	34.847.592.503	37.551.372.435
Cộng	35.767.372.632	37.851.195.075

2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn khác	200.000.000	200.000.000
Cộng	200.000.000	200.000.000

Đầu tư ngắn hạn khác là khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Công Thương Việt Nam - chi nhánh Quảng Ngãi và đã được cầm cố cho hợp đồng cấp bảo lãnh thanh toán của Công ty.

3. Phải thu khách hàng	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Phải thu các bên liên quan	181.796.001.837	155.937.592.394
Phải thu khách hàng khác	6.536.455.986	7.564.697.998
Cộng	188.332.457.823	163.502.290.392

4. Trả trước cho người bán	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Trả trước cho các bên liên quan	-	-
Các nhà cung cấp khác	15.435.838.495	12.701.085.415
Cộng	15.435.838.495	12.701.085.415

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2012

1. Báo cáo của đơn vị Kiểm toán độc lập
2. Bảng cân đối kế toán hợp nhất
3. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
4. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
5. Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp)

Ngày 20 tháng 02 năm 2013

	31/12/2012	01/01/2012			
	VND	VND			
5. Các khoản phải thu ngắn hạn khác					
Phải thu thuế TNCN nhân viên trước cổ phần hóa	4.977.363	4.977.363			
Phải thu về cổ phần hoá	195.251.931	195.251.931			
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp phải thu của người lao động	113.275.058	88.394.864			
Thu tiền các khách hàng hộ cho Công ty Cổ phần nước giải khát Chương Dương	1.493.834.663	505.817.351			
Phải thu khác	1.793.351.270	12.677.852.357			
Cộng	3.600.690.285	13.472.293.866			
6. Hàng tồn kho					
	31/12/2012	01/01/2012			
	VND	VND			
Nguyên liệu, vật liệu, phụ tùng ô tô	4.068.310.852	2.279.544.365			
Công cụ, dụng cụ	5.979.638	6.178.068			
Cộng giá gốc hàng tồn kho	4.074.290.490	2.285.722.433			
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-			
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	4.074.290.490	2.285.722.433			
7. Chi phí trả trước ngắn hạn					
	31/12/2012	01/01/2012			
	VND	VND			
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	727.823.922	107.897.690			
Chi phí mua bảo hiểm	1.805.043.728	1.582.791.390			
Chi phí thuê hoạt động tài sản cố định	2.717.980.182	219.963.400			
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	959.190.417	2.432.559.953			
Cộng	6.210.038.249	4.343.212.433			
8. Thuế và các khoản phải thu nhà nước					
	31/12/2012	01/01/2012			
	VND	VND			
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	1.919.895.835	3.686.981.565			
Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	55.472.245	-			
Cộng	1.975.368.080	3.686.981.565			
9. Tài sản ngắn hạn khác					
	31/12/2012	01/01/2012			
	VND	VND			
Tạm ứng	1.983.484.638	3.515.523.868			
Các khoản ký quỹ ngắn hạn	100.000.000	100.000.000			
Cộng	2.083.484.638	3.615.523.868			
10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình					
	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	152.543.636	440.401.400	202.099.834.329	4.665.636.226	207.358.415.591
Tăng trong năm	11.295.044.098	110.000.000	1.014.935.170	248.392.000	12.668.371.268
- Mua trong năm	-	110.000.000	257.673.065	226.300.000	593.973.065
- Đầu tư XDCB hoàn thành	11.295.044.098	-	406.954.208	22.092.000	11.724.090.306
- Tăng khác	-	-	350.307.897	-	350.307.897
Giảm trong năm	-	-	(749.013.792)	-	(749.013.792)
- Thanh lý	-	-	(749.013.792)	-	(749.013.792)
Số dư cuối năm	11.447.587.734	550.401.400	202.365.755.707	4.914.028.226	219.277.773.067

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2012

1. Báo cáo của đơn vị Kiểm toán độc lập
2. Bảng cân đối kế toán hợp nhất
3. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
4. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
5. Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp)

Ngày 20 tháng 02 năm 2013

10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình (tiếp)

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Tổng cộng
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	100.517.032	99.548.501	66.080.802.939	2.242.737.187	68.523.605.659
Khấu hao	106.229.022	87.507.652	31.241.684.552	1.400.805.644	32.836.226.870
Thanh lý	-	-	(749.013.792)	-	(749.013.792)
Số dư cuối năm	206.746.054	187.056.153	96.573.473.699	3.643.542.831	100.610.818.737
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	52.026.604	340.852.899	136.019.031.390	2.422.899.039	138.834.809.932
Số cuối năm	11.240.841.680	363.345.247	105.792.282.008	1.270.485.395	118.666.954.330

Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 2.533.799.063 đồng (tại ngày 31/12/2011 là 2.006.412.178 đồng)

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách tại ngày 31/12/2012 lần lượt là 155.815.530.412 đồng và 77.626.455.088 đồng (tại ngày 31/12/2011 lần lượt là 155.465.222.515 đồng và 100.787.269.751 đồng) đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Phát triển nhà đồng bằng sông Cửu Long – chi nhánh Sài Gòn.

11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Đơn vị tính: VND
Nguyên giá	Quyền sử dụng đất
Số dư đầu năm	8.288.695.000
Số tăng trong năm	-
Số giảm trong năm	-
Số dư cuối năm	8.288.695.000
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	-
Hao mòn trong năm	-
Số giảm trong năm	-
Số dư cuối năm	-
Giá trị còn lại	
Tại ngày đầu năm	8.288.695.000
Tại ngày cuối năm	8.288.695.000

Tài sản cố định vô hình là giá trị quyền sử dụng đất lâu dài tại Nghệ An, Quảng Ngãi và Cần Thơ nên không trích khấu hao

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Số đầu năm	8.231.431.809	56.573.209.383
Chi phí phát sinh trong năm	3.642.994.860	8.255.970.143
Kết chuyển vào tài sản cố định trong năm	(11.724.090.306)	(56.597.747.717)
Số cuối năm	150.336.363	8.231.431.809
Số dư cuối năm bao gồm:		
	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Công trình xây dựng văn phòng Công ty cổ phần Vận tải và Giao nhận Bia Sài Gòn Sabetran Miền Bắc	-	8.180.977.264
Công trình xây dựng văn phòng Công ty cổ phần Vận tải và Giao nhận Bia Sài Gòn Sabetran - Miền Trung	454.545	454.545
Công trình xây dựng văn phòng Công ty cổ phần Vận tải và Giao nhận Bia Sài Gòn - Miền Tây	149.881.818	50.000.000
Cộng	150.336.363	8.231.431.809

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp)

Ngày 20 tháng 02 năm 2013

13. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2012		01/01/2012	
	Số lượng cổ phần	Giá trị VND	Số lượng cổ phần	Giá trị VND
Đầu tư dài hạn khác		2.350.000.000		2.350.000.000
Công ty cổ phần Kinh doanh lương thực Thực phẩm Sabeco	90.000	1.350.000.000	90.000	1.350.000.000
Công ty cổ phần Bia Sài Gòn Phú Lý	100.000	1.000.000.000	100.000	1.000.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		-		(630.000.000)
Cộng		2.350.000.000		1.720.000.000

14. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Chi phí trả trước công cụ dụng cụ	334.105.726	975.405.642
Chi phí trả trước thuê hoạt động tài sản cố định	5.626.484.208	9.311.442.096
Chi phí trả trước dài hạn khác	19.184.181.726	22.145.430.162
Cộng	25.144.771.660	32.432.277.900

15. Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh V.21)	23.904.422.918	28.996.000.000
Cộng	23.904.422.918	28.996.000.000

16. Phải trả người bán

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Phải trả các bên liên quan	19.571.883.492	8.698.965.863
Các nhà cung cấp khác	116.367.368.429	94.459.579.324
Cộng	135.939.251.921	103.158.545.187

17. Người mua trả tiền trước

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Trả trước của các bên liên quan	479.361	5.863.177.319
Trả trước của khách hàng khác	-	-
Cộng	479.361	5.863.177.319

18. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	6.103.636.789	456.299.478
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.807.927.249	529.019.547
Thuế thu nhập cá nhân	163.159.655	320.618.399
Cộng	8.074.723.693	1.305.937.424

19. Chi phí phải trả

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Chi phí thuê xe vận chuyển	12.564.833.711	18.289.239.347
Chi phí lãi vay phải trả	933.535.755	1.999.846.149
Chi phí phải trả khác	1.597.011.729	2.309.946.899
Cộng	15.095.381.195	22.599.032.395

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2012

1. Báo cáo của đơn vị Kiểm toán độc lập
2. Bảng cân đối kế toán hợp nhất
3. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
4. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
5. Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp)

Ngày 20 tháng 02 năm 2013

20. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp	125.841.933	209.967.689
Cổ tức phải trả	4.652.418.000	7.869.241.667
Nhận ký quỹ ký cược	4.042.500	4.042.500
Các khoản phải trả, phải nộp khác	179.415.173	289.335.193
Cộng	4.961.717.606	8.372.587.049

21. Vay và nợ dài hạn

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Vay dài hạn ngân hàng	28.296.755.960	52.201.178.878
Cộng	28.296.755.960	52.201.178.878

Vay dài hạn Ngân hàng Phát triển nhà Đồng bằng sông Cửu Long – Chi nhánh Sài Gòn theo các hợp đồng tín dụng sau: Hợp đồng tín dụng số TA.0970.07/HĐTD ngày 08 tháng 11 năm 2007 để đầu tư mua tài sản là phương tiện vận tải với lãi suất là 0,808%/tháng, thời hạn vay là 60 tháng. Số dư nợ gốc vay là 4.908.422.918 đồng. Số dư nợ vay đến hạn trả đã được phân loại sang nợ ngắn hạn là 4.908.422.918 đồng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản là phương tiện vận tải hình thành từ vốn vay.

Hợp đồng tín dụng số TD.1320.09/HĐTD ngày 24 tháng 07 năm 2009 để nhập khẩu ủy thác phương tiện vận tải với lãi suất bằng lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước cộng 2%, thời hạn vay là 60 tháng. Số dư nợ gốc vay là 16.592.115.960 đồng. Số dư nợ vay đến hạn trả đã được phân loại sang nợ ngắn hạn là 8.756.000.000 đồng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp một số tài sản cố định của Công ty.

Hợp đồng tín dụng số TD.1197.10/HĐTD ngày 30/09/2010 để đầu tư 20 xe tải, lãi suất bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm 13 tháng trả lãi sau của Ngân hàng cộng với 0,3%/tháng (biên độ được điều chỉnh 6 tháng 1 lần), thời hạn vay 60

tháng, số dư nợ gốc dài hạn là 10.212.560.000 đồng. Số dư nợ đến hạn trả là 3.400.000.000 đồng đã được phân loại là nợ ngắn hạn. Phương thức bảo đảm khoản vay là toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay.

Hợp đồng tín dụng số TD.1196.10/HĐTD ngày 30/09/2010 để đầu tư 25 xe tải, lãi suất bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm 13 tháng trả lãi sau của Ngân hàng cộng với 0,3%/tháng (biên độ được điều chỉnh 6 tháng 1 lần), thời hạn vay 60 tháng, số dư nợ gốc dài hạn là 12.755.700.000 đồng. Số dư nợ đến hạn trả là 4.260.000.000 đồng đã được phân loại là nợ ngắn hạn. Phương thức bảo đảm khoản vay là toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay.

Hợp đồng tín dụng số TD.1195.10/HĐTD ngày 30/09/2010. Thời hạn vay 60 tháng, lãi suất cho vay được áp dụng theo hình thức thả nổi với mức lãi suất bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm 13 tháng cộng với biên độ 0,3%/tháng. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2012: 7.732.380.000 VND (trong đó nợ dài hạn đến hạn trả trong năm là 2.580.000.000 VND). Mục đích sử dụng tiền vay: đầu tư mua 16 phương tiện vận tải. Phương thức bảo đảm khoản vay: thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay.

22. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Số đầu năm	468.390.567	352.576.679
Số trích lập trong năm	-	192.688.900
Số chi trong năm	(17.049.016)	(76.875.012)
Số đã hoàn trong năm	(451.341.551)	
Số cuối năm	-	468.390.567

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2012

1. Báo cáo của đơn vị kiểm toán độc lập
2. Bảng cân đối kế toán hợp nhất
3. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
4. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
5. Thuyết minh báo cáo tài chính

23. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	80.000.000.000	27.496.000.000	18.793.570.701	9.098.771.722	58.181.356.574	193.569.698.997
Lãi trong năm trước					(2.461.880.524)	(2.461.880.524)
Trích lập các quỹ			408.087.148	204.043.574	(2.070.444.157)	(1.458.313.435)
Chia cổ tức					(20.119.460.675)	(20.119.460.675)
Khen thưởng Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, công nhân viên					(7.582.065.472)	(7.582.065.472)
Biến động khác			(499.362.128)	(249.681.063)	(4.763.160.040)	(5.512.203.231)
Số dư cuối năm trước	80.000.000.000	27.496.000.000	18.702.295.721	9.053.134.233	21.184.345.706	156.435.775.660
Lãi trong năm nay					18.435.306.786	18.435.306.786
Trích lập các quỹ			26.239.839	77.455.495	(1.139.229.522)	(1.035.534.188)
Chia cổ tức năm 2011					(16.000.000.000)	(16.000.000.000)
Tạm ứng cổ tức năm 2012					(16.000.000.000)	(16.000.000.000)
Chi khen thưởng					(274.030.780)	(274.030.780)
Biến động khác					(64.456.966)	(64.456.966)
Số dư cuối năm nay	80.000.000.000	27.496.000.000	18.728.535.560	9.130.589.728	6.141.935.224	141.497.060.512

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Tổng Công ty Cổ phần Bia rượu nước giải khát Sài Gòn
Vốn góp của các đối tượng khác

Cộng

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
	20.000.000.000	20.000.000.000
	60.000.000.000	60.000.000.000
	80.000.000.000	80.000.000.000
	%	%
	25	25
	75	75
	100	100

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2012

1. Báo cáo của đơn vị Kiểm toán độc lập
2. Bảng cân đối kế toán hợp nhất
3. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
4. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
5. Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp)

Ngày 20 tháng 02 năm 2013

23. Vốn chủ sở hữu (tiếp)

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay VND	Năm trước VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	80.000.000.000	80.000.000.000
Vốn góp cuối năm	80.000.000.000	80.000.000.000
Cổ tức lợi nhuận đã chi trả	(28.064.646.000)	(19.989.602.550)
- Chi trả cổ tức năm trước	(16.239.192.000)	(19.989.602.550)
- Chi trả cổ tức năm nay	(11.825.454.000)	-

d) Cổ phiếu

	31/12/2012	01/01/2012
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.000.000	8.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.000.000	8.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	8.000.000	8.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.000.000	8.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	8.000.000	8.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng		

24. Lợi ích của cổ đông thiểu số

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần quyền lợi của các cổ đông thiểu số trong giá trị tài sản thuần của các công ty con. Chi tiết lợi ích của cổ đông thiểu số như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Vốn đầu tư	37.390.000.000	37.390.000.000
Lợi nhuận của cổ đông thiểu số ở các công ty con	695.273.020	1.204.143.010
Các quỹ của cổ đông thiểu số	2.946.384.113	2.852.368.715
Cộng	41.031.657.133	41.446.511.725

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu thuần bán hàng hóa	795.999.235	2.989.403.120
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	1.017.591.381.442	881.637.299.570
Cộng	1.018.387.380.677	884.626.702.690

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn hàng hóa	231.354.793	2.893.482.866
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	926.848.176.310	819.172.875.491
Cộng	927.079.531.103	822.066.358.357

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi dưới 03 tháng	653.519.144	1.658.171.249
Lãi tiền gửi từ 03 tháng trở lên	26.950.000	1.807.173.664
Cổ tức, lợi nhuận được chia	300.000.000	499.895.073
Cộng	980.469.144	3.965.239.986

1. Báo cáo của đơn vị Kiểm toán độc lập
2. Bảng cân đối kế toán hợp nhất
3. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
4. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
5. Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp)

Ngày 20 tháng 02 năm 2013

4. Chi phí tài chính	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền vay	8.363.087.819	12.171.918.128
Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(630.000.000)	-
Chi phí tài chính khác	44.000	-
Cộng	7.733.131.819	12.171.918.128

5. Chi phí bán hàng	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí cho nhân viên	11.744.135.434	10.650.262.700
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ	890.745.977	354.082.981
Chi phí khấu hao tài sản cố định	100.860.475	113.251.416
Chi phí dịch vụ mua ngoài	656.735.921	776.775.142
Chi phí bằng tiền khác	455.423.543	455.400.414
Cộng	13.847.901.350	12.349.772.653

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí cho nhân viên	25.474.248.288	21.958.883.961
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ	1.608.683.338	1.497.816.031
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.543.276.469	1.433.064.459
Chi phí thuế, phí, lệ phí	24.896.185	527.343.400
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.798.183.364	9.264.248.831
Chi phí bằng tiền khác	2.594.798.371	2.461.934.777
Cộng	40.044.086.015	37.143.291.459

7. Thu nhập khác	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Thanh lý tài sản cố định	-	9.025.000
Thu từ bán phế liệu	40.390.909	-
Hoàn nhập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	451.341.551	-
Thu nhập khác	2.506.333	79.824.559
Cộng	494.238.793	88.849.559

8. Chi phí khác	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí khác	201.834.463	26.038.041
Cộng	201.834.463	26.038.041

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được xác định với thuế suất là 25% trên thu nhập chịu thuế. Căn cứ theo mục VI, khoản 10 trong danh mục A của nghị định 164/2003/NĐ-CP ngày 22/12/2003 và phần E, mục III, điểm 1.3 của Thông tư 128/2003/TT-BTC ngày 22/12/2003, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm và giảm 50% trong 5 năm tiếp theo. Năm 2012 là năm cuối cùng Công ty được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp.

Thuế suất áp dụng cho các công ty con của Công ty được quy định trong luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành tương ứng với điều kiện của từng công ty con.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2012

1. Báo cáo của đơn vị Kiểm toán độc lập
2. Bảng cân đối kế toán hợp nhất
3. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
4. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
5. Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp)

Ngày 20 tháng 02 năm 2013

	Năm nay VND	Năm trước VND
9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (tiếp)		
Chi phí thuế thu nhập hiện hành tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	4.559.815.884	3.608.970.679
Điều chỉnh chi phí thuế các năm trước	-	-
Tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành	4.559.815.884	3.608.970.679
10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		
Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	534.090.909	-
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	-	(534.090.909)
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả		(23.174.533)
Cộng	534.090.909	(557.265.442)
11. Lãi (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu		
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	18.435.306.786	(2.461.880.524)
Các khoản điều chỉnh	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	18.435.306.786	(2.461.880.524)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	8.000.000	8.000.000
Lãi(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	2.304	(308)
12. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố		
Chi phí nhân công	92.577.674.870	80.120.924.306
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	95.617.498.318	97.933.542.629
Chi phí khấu hao tài sản cố định	32.836.226.870	31.312.013.369
Chi phí dịch vụ mua ngoài	755.550.577.165	654.895.810.826
Chi phí khác bằng tiền	4.158.186.453	4.403.648.473
Cộng	980.740.163.676	868.665.939.603

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin về các bên liên quan

Trong năm, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan, các nghiệp vụ chủ yếu sau:

CÁC BÊN LIÊN QUAN	MỐI QUAN HỆ	NỘI DUNG NGHIỆP VỤ	GIÁ TRỊ GIAO DỊCH (VND)
Tổng Công ty CP Bia rượu nước giải khát Sài Gòn và các Chi nhánh	Bên liên quan	Mua hàng Cung cấp dịch vụ vận tải	365.305.050 830.607.561
Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Sabeco	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ vận tải	131.647.388.218
Công ty CP Thương mại Sabeco Trung Tâm	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ vận tải	320.928.936.724
Công ty CP Thương mại Sabeco Sông Tiền và các chi nhánh	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ vận tải	124.445.578.620
Công ty CP Thương mại Sabeco Sông Hậu và các chi nhánh	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ vận tải	120.560.501.980
Công ty CP Thương mại Sabeco Miền Đông và các chi nhánh	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ vận tải	126.415.550.826
Công ty CP Thương mại Sabeco Tây Nguyên và các chi nhánh	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ vận tải	124.308.576.066
Công ty CP Thương mại Sabeco Nam Trung Bộ và các chi nhánh	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ vận tải	114.537.461.115
Công ty CP Thương mại Sabeco Bắc Trung Bộ	Bên liên quan	Mua hàng	53.222.400
Công ty CP Thương mại Sabeco Miền Bắc	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ vận tải	2.000.000
Công ty CP Thương mại Sabeco Miền Trung và các chi nhánh	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ vận tải	20.253.870.846
Công ty CP Bia Sài Gòn - Miền Tây và các chi nhánh	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ vận tải	2.708.706.397
Công ty CP Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh và các chi nhánh	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ vận tải	200.369.115
Công ty CP Bia Sài Gòn - Sông Lam	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ vận tải	213.475.873
Công ty CP Bia Sài Gòn - Bình Tây	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ vận tải	229.873.070
Công ty CP Bia Sài Gòn - Hà Nội	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ vận tải	1.558.319.544
Công ty CP Bia Sài Gòn - Hà Nam	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ vận tải	38.500.000
Công ty CP Bia Sài Gòn - Bạc Liêu	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ vận tải	2.816.005.751
Công ty CP Bia Sài Gòn - Phú Thọ	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ vận tải	174.637.128

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2012

1. Báo cáo của đơn vị Kiểm toán độc lập
2. Bảng cân đối kế toán hợp nhất
3. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
4. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
5. Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp)

Ngày 20 tháng 02 năm 2013

1. Thông tin về các bên liên quan (tiếp)

CÁC BÊN LIÊN QUAN	MỐI QUAN HỆ	NỘI DUNG NGHIỆP VỤ	GIÁ TRỊ GIAO DỊCH (VND)
Công ty CP Bia Sài Gòn - Phú Lý	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ vận tải	73.023.301
Công ty CP Bia Sài Gòn - Miền Trung và các Chi nhánh	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ vận tải	95.287.500
Công ty CP Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ vận tải	2.038.017.923
Công ty CP Bao bì Sabeco Sóng Lam	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ vận tải	2.252.913.826
Công ty CP Bia Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ vận tải	159.771.230
Công ty TNHH Một thành viên bia Sài Gòn - Hà Tĩnh	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ vận tải	697.767.950
Công ty CP Vận tải và Thương mại	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ vận tải	9.958.632.391
Công ty CP Vận tải Giao nhận và Thương mại Quang Châu	Bên liên quan	Phải trả dịch vụ vận tải	69.768.972.585
		Bán hàng	17.659.290
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Sài Gòn 9	Bên liên quan	Phải trả dịch vụ vận tải	31.886.993.680
		Bán hàng	117.410.994

Cho đến ngày 31/12/2012, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau :

CÁC BÊN LIÊN QUAN	MỐI QUAN HỆ	NỘI DUNG NGHIỆP VỤ	GIÁ TRỊ KHOẢN PHẢI THU/ (PHẢI TRẢ)(VND)
Tổng Công ty CP Bia rượu nước giải khát Sài Gòn và các chi nhánh	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ vận tải	164.942.140
		Bán hàng	(7.302.350)
Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Sabeco	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ vận tải	49.078.920.119
Công ty CP Thương mại Sabeco Trung Tâm	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ vận tải	36.822.183.244
Công ty CP Thương mại Sabeco Sòng Tiền và các Chi nhánh	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ vận tải	2.614.004.415
Công ty CP Thương mại Sabeco Sóng Hậu và các Chi nhánh	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ vận tải	20.699.426.402
Công ty CP Thương mại Sabeco Miền Đông và các Chi nhánh	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ vận tải	13.260.899.546
Công ty CP Thương mại Sabeco Tây Nguyên và các Chi nhánh	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ vận tải	23.414.993.804
Công ty CP Thương mại Sabeco Nam Trung Bộ và các Chi nhánh	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ vận tải	23.698.003.395
Công ty CP Thương mại Sabeco Miền Trung và các Chi nhánh	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ vận tải	3.905.221.980
Công ty CP Bia Sài Gòn - Miền Tây và các Chi nhánh	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ vận tải	467.115.222
Công ty CP Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh và các Chi nhánh	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ vận tải	55.343.448
Công ty CP Bia Sài Gòn - Sóng Lam	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ vận tải	169.078.059
Công ty CP Bia Sài Gòn - Bình Tây	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ vận tải	115.331.479
Công ty CP Bia Sài Gòn - Hà Nội	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ vận tải	1.469.946.132
Công ty CP Bia Sài Gòn - Bạc Liêu	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ vận tải	778.886.622
Công ty CP Bia Sài Gòn - Phú Thọ	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ vận tải	14.553.094
Công ty CP Bia Sài Gòn - Phú Lý	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ vận tải	26.190.646
Công ty CP Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ vận tải	187.009.810
Công ty CP Bao bì Sabeco Sóng Lam	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ vận tải	617.640.100
Công ty CP Bao bì Bia Sài Gòn	Bên liên quan	Phải thu tiền thuê kho	3.456.426.040
		Mua hàng	(498.602.500)
Công ty CP Bia Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân	Bên liên quan	Khách hàng ứng trước	(479.361)
Công ty CP Bia Nước giải khát Phú Yên	Bên liên quan	Bán hàng	80.850.000
Công ty TNHH Một thành viên bia Sài Gòn - Hà Tĩnh	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ vận tải	697.767.950
Công ty CP Vận tải và Thương mại	Bên liên quan	Phải trả dịch vụ vận tải	(2.508.001.940)
Công ty CP Vận tải Giao nhận và Thương mại Quang Châu	Bên liên quan	Phải trả dịch vụ vận tải	(16.557.976.702)
		Bán hàng	1.268.190
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Sài Gòn 9	Bên liên quan	Phải trả dịch vụ vận tải	(3.724.144.296)

Thu nhập của thành viên Hội đồng Quản trị, Ban điều hành Công ty và các công ty con trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Thu nhập của Hội đồng quản trị	3.055.999.987	2.697.876.981
Thu nhập của Ban điều hành	8.281.739.783	10.624.880.325
Cộng	11.337.739.770	13.322.757.306

2. Báo cáo bộ phận

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là cung cấp dịch vụ vận chuyển.

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty chỉ hoạt động trong khu vực địa lý Việt Nam.

3. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2012	01/01/2012	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	35.767.372.632	37.851.195.075	35.767.372.632	37.851.195.075
Phải thu khách hàng	188.332.457.823	163.502.290.392	188.332.457.823	163.502.290.392
Phải thu khác	3.622.437.864	13.538.921.639	3.622.437.864	13.538.921.639
Tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn	200.000.000	200.000.000	200.000.000	200.000.000
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	2.350.000.000	1.720.000.000	2.350.000.000	1.720.000.000
Cộng	230.272.268.319	216.812.407.106	230.272.268.319	216.812.407.106

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2012

1. Báo cáo của đơn vị Kiểm toán độc lập
2. Bảng cân đối kế toán hợp nhất
3. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
4. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
5. Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp)

Ngày 20 tháng 02 năm 2013

3. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính (tiếp)

	Giá trị ghi số		Giá trị hợp lý	
	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Nợ phải trả tài chính				
Các khoản vay	52.201.178.878	81.197.178.878	52.201.178.878	81.197.178.878
Phải trả người bán	135.939.251.921	103.158.545.187	135.939.251.921	103.158.545.187
Phải trả khác	28.925.463.926	37.347.259.723	28.925.463.926	37.347.259.723
Cộng	217.065.894.725	221.702.983.788	217.065.894.725	221.702.983.788

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý:

Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) phần lớn xấp xỉ với giá trị ghi sổ do kỳ hạn ngắn hạn của những công cụ này.

Giá trị hợp lý của các khoản vay và các khoản phải trả khác dài hạn được ước tính bằng cách chiết khấu dòng tiền với lãi suất áp dụng cho các khoản nợ có đặc điểm và thời gian đáo hạn còn lại tương tự. Giá trị hợp lý của các khoản nợ phải trả tài chính này tương đương giá trị sổ sách do ảnh hưởng của việc chiết khấu là không đáng kể.

4. Tài sản đảm bảo

Công ty có một số tài sản đảm bảo thế chấp đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng vào ngày 31/12/2011 và vào ngày 31/12/2012 (xem thuyết minh V.2, V.10). Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của đơn vị khác vào ngày 31/12/2011 và vào ngày 31/12/2012.

5. Thuê hoạt động

Công ty thuê đất tại ấp Đức Hiệp, xã Nhuận Đức, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh với diện tích 19.745 m² dưới hình thức thuê hoạt động được sử dụng cho mục đích xây dựng văn phòng làm việc và bãi đỗ xe. Hợp đồng thuê có hiệu lực 20 năm bắt đầu từ ngày 01/08/2010 đến 01/08/2030. Chi phí thuê được điều chỉnh tăng lên hàng năm theo giá thuê trên thị trường.

Công ty thuê bãi gửi xe ô tô con tại Tổ 11 phường Nghĩa Chánh TP. Quảng Ngãi với diện tích đảm bảo để đủ 02 xe ô tô con đậu. Thời hạn thuê 01 năm từ ngày 01/04/2012 đến 01/04/2013. Chi phí thuê được tính cố định trong suốt thời gian thuê.

Công ty thuê khu nhà và đất tại 19A Cộng Hòa, phường 12, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh với diện tích 2.300 m² dưới hình thức thuê hoạt động được sử dụng cho mục đích làm văn phòng làm việc. Hợp đồng thuê có hiệu lực 5 năm bắt đầu từ 29/01/2010 đến 29/01/2015. Chi phí thuê được tính cố định trong suốt thời hạn thuê.

Công ty thuê kho tại 1153/15 Quốc lộ 1A, phường Thới An, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh với diện tích 4.833 m² dưới hình thức thuê hoạt động. Hợp đồng thuê có hiệu lực 3 năm bắt đầu từ 01/01/2012 đến 31/12/2014. Chi phí thuê được điều chỉnh tăng lên hàng năm theo giá thuê trên thị trường. Công ty thuê kho tại thôn Ngọc Thạch, xã Phước An, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định với diện tích 600 m² dưới hình thức thuê hoạt động. Hợp đồng thuê có hiệu lực 1 năm bắt đầu từ 11/12/2012 đến 10/06//2013. Chi phí thuê được tính cố định trong suốt thời hạn thuê.

Công ty thuê văn phòng làm việc trên lô đất số Lô A1-26, đường Hai Bà Trưng, phường Trần Phú, thành phố Quảng Ngãi với diện tích 100 m² dưới hình thức thuê hoạt động được sử dụng cho mục đích làm văn phòng làm việc. Hợp đồng thuê có hiệu lực 01 năm bắt đầu từ ngày 01 tháng 12 năm 2012 đến ngày 01 tháng 12 năm 2013. Chi phí thuê được tính cố định trong suốt thời gian thuê.

Công ty thuê văn phòng làm việc số 24-26 đường B25 KDC91B, phường An Khánh, quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ với diện tích 450 m² được sử dụng để làm văn phòng làm việc. Hợp đồng thuê có hiệu lực 02 năm bắt đầu từ ngày 01 tháng 9 năm 2011 đến ngày 01 tháng 9 năm 2013. Chi phí thuê cố định trong năm đầu và năm thứ hai sẽ tăng 10% so với năm đầu.

Ngoài ra, Công ty có thuê hoạt động 5 chiếc xe ô tô con với thời hạn thuê trong khoảng từ 08/11/2010 đến 01/04/2014. Chi phí thuê được tính cố định trong suốt thời hạn thuê.

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động sẽ được thanh toán như sau:

1. Báo cáo của đơn vị Kiểm toán độc lập
2. Bảng cân đối kế toán hợp nhất
3. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
4. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
5. Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp)

Ngày 20 tháng 02 năm 2013

5. Thuê hoạt động (tiếp)	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Từ 1 năm trở xuống	5.618.211.467	4.134.788.200
Từ 1 năm đến 5 năm	8.548.900.654	9.578.760.000
Từ 5 năm trở lên	13.900.000.000	16.300.000.000
Cộng	28.067.112.121	30.013.548.200

6. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Theo thỏa thuận trong hợp đồng hợp tác đầu tư số 81/HĐHTĐT/SGB-TTG ngày 26 tháng 10 năm 2009 giữa Công ty với Công ty cổ phần Tập đoàn Trung Thủy, hai bên cùng hợp tác đầu tư xây dựng tòa nhà cao cấp hỗn hợp làm văn phòng cho thuê và căn hộ dịch vụ (bán và cho thuê) tại số 78 Tôn Thất Thuyết, phường 16, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh với vốn đầu tư dự kiến là 950.000.000.000 đồng. Công ty góp vốn bằng quyền thuê đất với diện tích 22.990 m² tại số 78 Tôn Thất Thuyết, phường 16, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh. Hiện tại dự án đang được triển khai và Công ty đã di chuyển trụ sở về số 19A đường Cộng Hòa, phường 13, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh. Trụ sở văn phòng cũ hiện đang được dọn dẹp để xây dựng tòa nhà văn phòng theo dự án nêu trên.

7. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng. Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên được theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực

hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn. Trên cơ sở này, Công ty không có rủi ro tập trung về tín dụng.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

8. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

Thông tin thời hạn đáo hạn của nợ phải trả tài chính (bao gồm cả lãi phải trả) của Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Từ 01 năm đến 05 năm	Cộng
Số cuối năm	193.736.460.331	31.914.309.825	225.650.770.157
Các khoản vay và nợ	28.871.744.484	31.914.309.825	60.786.054.310
Phải trả người bán	135.939.251.921	-	135.939.251.921
Phải trả khác	28.925.463.926	-	28.925.463.926
Số đầu năm	176.476.834.880	63.273.382.342	239.750.217.222
Các khoản vay và nợ	36.439.420.537	62.804.991.775	99.244.412.312
Phải trả người bán	103.158.545.187	-	103.158.545.187
Phải trả khác	36.878.869.156	468.390.567	37.347.259.723

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2012

1. Báo cáo của đơn vị Kiểm toán độc lập
2. Bảng cân đối kế toán hợp nhất
3. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
4. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
5. Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp)

Ngày 20 tháng 02 năm 2013

9. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm: Rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá nhiên liệu và rủi ro về giá khác.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty không có rủi ro ngoại tệ do việc mua và bán hàng hóa, dịch vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ là Đồng Việt Nam.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty.

Tại ngày 31/12/2012, với giả định các biến số khác không đổi, nếu lãi suất các khoản vay VND tăng/giảm 2% thì lợi nhuận

sau thuế và vốn chủ sở hữu năm này của Công ty sẽ giảm/tăng 709.391.339 VND (năm trước giảm/tăng 994.331.339 VND) do sự tăng/giảm của chi phí lãi vay.

Rủi ro về giá nhiên liệu

Sự biến động của giá nhiên liệu ảnh hưởng lớn đến chi phí và do vậy có ảnh hưởng đến lợi nhuận của Công ty. Ban Tổng Giám đốc Công ty hạn chế ảnh hưởng này thông qua việc đàm phán lại phí vận chuyển ngay khi có sự biến động của giá nhiên liệu.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

Các cổ phiếu do công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

10. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 do Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) kiểm toán. Một số chỉ tiêu đã được phân loại và trình bày lại để so sánh với số liệu năm nay.

Ngày 20 tháng 02 năm 2013

LÊ THỊ THU HÀ
Người lập biểu

TRẦN BÌNH NAM
Kế toán trưởng



NGUYỄN QUANG TIẾP
Tổng Giám đốc





Designed by www.anang.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ GIAO NHẬN BIA SÀI GÒN

Trụ sở: 78 Tôn Thất Thuyết, P. 16, Q. 4, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: 08.39485278 - Fax: 08.39482743
Email: mail@sabetranjsc.com - Website: www.sabetranjsc.com